

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN

QUYỂN TRUNG

- 8- Bồ-tát hóa thân làm người nữ nghèo khổ.
- 9- Cô Thiên nữ Tam-muội.
- 10- An sinh đấp họa chân dung Bồ-tát.
- 11- Hòa thượng Ngưu Vân cầu thông minh.
- 12- Phật Đà-ba-lợi vào hang Kim Cang.
- 13- Hòa thượng Vô Trước vào chùa Bát nhã biến hóa.
- 14- Hòa thượng Thần Anh vào viện Pháp Hoa biến hóa.
- 15- Hòa thượng Đạo Nghĩa vào chùa Kim Các biến hóa.
- 16- Hòa thượng Pháp Chiếu vào chùa Trúc Lâm biến hóa.
- 17- Các hàng tăng tục quên thân vì đạo.
- 18- Châu Mục Tể quan quy hướng chánh tín.
- 19- Sự tích chư Tăng cao đức.

1. BỒ TÁT HÓA THÂN LÀM NGƯỜI NỮ NGHÈO KHỔ.

Chùa Đại Phu Linh Thứu là nơi cả chín khu quy hướng, chỗ muôn Thánh tu sùng, mở móng từ thời Đông Hán, tới thời Hậu Ngụy khai thác, không rõ biết thuộc thời đại nào. Thường cử đến tháng giêng đầu năm chuẩn bị trai hội, chẳng kể xa gần, các hàng phàm Thánh lẫn lộn chung đồng. Có truyện tích đã mất y cứ nói rằng: Có một người nữ nghèo khổ gặp lúc trai hội nhóm tập, từ phía nam mà lại, lúc sáng sớm đến chùa, dẫn bông hai đứa con và có một con chó cùng theo, ngoài thân mình ra không có một vật gì, bèn cắt tóc mà cúng thí. Chưa đến lúc chư tăng thọ thực, người nữ ấy bảo với vị Tăng chủ trì rằng: “Tôi muốn được ăn trước, vì còn phải đến nơi khác”. Vị Tăng ấy cũng hứa thuận cho, và bảo hai đứa con cùng cho thức ăn, cả ba phần gấp bội, trong ý muốn người nữ nghèo khổ đó và hai đứa con đều được no đủ. Người nữ ấy nói: “Con chó đây cũng đáng cho nó một phần”. Vị Tăng ấy miễn cưỡng mà lại vì cho, người nữ ấy lại nói: “Ở trong bụng tôi có một đứa con, nên cũng cần có được một phần ăn”. Vị Tăng đó mới tức giận bảo: “Người

cầu xin thức ăn của chư tăng mà không biết nhàm chán, nếu là ở trong bụng chưa sinh, đâu cầu phải ăn ư?” quát mắng và đuổi đi. Người nữ nghèo khổ ấy bị quở trách, liền rời khỏi đất, biến thành hóa thân tức tượng Văn-thù-sư-lợi, con chó làm thành sư tử, hai đứa con tức Thiện Tài Đồng tử và vua Vu Điền. Mây khí năm sắc ngùn ngụt đầy cả hư không. Nhân đó lưu lại bài kệ khổ (đắng) rằng:

*“Dầu đắng, đắng luôn rế.
Dưa ngọt, ngọt suốt cành.
Là ta dấy ba cõi.
Tức kia đáng ghét hiem”.*

Bồ-tát nói bài kệ rồi bèn ẩn mất không còn trông thấy, các hàng tăng tục trong chúng hội không ai chẳng kinh sợ tán thán. Vị Tăng chủ trì đó tự hận không biết được chân Thánh, muốn dùng dao tự đâm vào mắt, mọi người khổ thiết can ngăn mới thôi. Sau đó, các hàng sang hèn đồng đều xem như nhau, nghèo giàu không hai. Bèn đem tóc của người nữ nghèo khổ ấy cúng thí đến nơi chỗ Bồ-tát cưỡi mây nổi đi, dựng tháp mà cúng dường Đại Thánh. Đến năm Cung Hy thứ hai (984) thời Bắc Tống lại gia tâm tu sửa. Ngay dưới nền móng tháp từng đào bởi được ba-năm quẩn tóc của Đại Thánh. Tóc như vàng ròng, khoảnh khắc lại biến thành màu đen. Mọi người trông thấy đó chẳng nhất định, chong mắt cùng trông xem, thật chẳng thể nghĩ bàn, bèn hoàn trả lại dưới tháp mà vùi lấp lại. Tức nay là tháp ở góc Đông nam của chùa Hoa Nghiêm ấy vậy.

2. CÔ THIÊN NỮ TAM MUỘI

Các bậc cổ đức tuyên truyền rằng: Có cô thiên nữ Tam-muội, không biết là người thuộc thời đại nào, tự nói rằng: “Đại Thánh bảo ta đến ở đại non Hoa Nghiêm và căn dặn rằng “duyên xưa trước của người ở tại đây, nên ứng xử cốt yếu, hành đạo Bồ-tát, dẫn dắt quần sinh, giúp cúng Sơn Môn ta cũng chiếu cố đến người, lại cho một phần cúng dường, khiến người trọn năm chẳng đói chẳng khát”. Mọi người xa gần nghe thế đến kính phụng cúng thí đông nhiều như chợ. Cô thiên nữ mới kêu tìm người thợ tạo dựng tinh xá Diệu Vũ, không mấy ngày mà hoàn thành. Lại đích thân đến trong Hương Xuyên khuyến hóa mọi người cúng thí gạo bún và tự thân khiêng mang về sung vào việc cúng dường. Mọi người trong xuyên lục nghinh đón hưởng ứng chỉ sợ là mình đến sau. Các hàng tăng tục cúng dường đông nhiều muôn ức chẳng thể tính lường. Cô Thiên nữ tự mang một thạch nặng đi nhanh như gió, lại

thêm một thạch, cũng không nhọc mệt gì. Về sau, các kho lẫm thấy đều tràn đầy, sử dụng chẳng hết. Một ngày nọ, mọi người đến tham lễ đông nhiều. Đệ tử thưa: “Bình cơm đã hết sạch” Cô thiên nữ bảo: “Cớ sao nói dối như vậy?” Dùng dây lạt quấn lấy, cơm liền tràn đầy cung cấp chẳng hết. Các vật khác cần dùng đại khái cũng như vậy. Mọi người ở bốn phương đến tuần lễ, muốn mong cầu thấy Đại Thánh, đến cầu thỉnh nơi cô. Cô thiên nữ bảo: “Chỉ nên chí thành dứt hết nghĩ ngợi, đốt hương cầu thỉnh tức thấy sắc màu vàng ròng, đến cả muôn chúng, các thứ ánh sáng đều y theo lời như ước nguyện.

Đến ngày mười lăm tháng hai năm Trinh Nguyên thứ ba (787) thời Tiền Đường, bỗng nhiên cô thiên nữ bảo đồ chúng rằng: “Hóa duyên của tôi vừa hoàn tất, nay có thể trở về trời, các người nhớ nghe lời tôi răn bảo, chớ để dứt tuyệt”. Nói xong bèn thị tịch. Ngày đó mây lành tỏa bủa ngời ánh hang cốc, nhạc trời vang vọng giữa hư không, hương thơm khác lạ phảng phất khắp cùng cả rừng chàm, các loại chim kêu vang, muôn thú gầm hét có hạt trắng cát từng bay liệng quanh trọn ngày mới bỏ đi. Muôn đồ đệ tử các chúng vô sinh v. v... đều y theo lời thầy dạy răn cúng dường chẳng ngắt.

3. AN DANH ĐÁP HỌA CHÂN DUNG BỒ TÁT

Phía Bắc chùa Đại Phu Linh Thứu có một ngọn núi nhỏ trên đỉnh bằng phẳng không có cây rừng, cao vợi nổi trội tựa như Thấu Phong ở Tây Vực. Trên đó, mây lành thường mọc nổi, chân dung Đại Thánh từng hiện. Xưa trước gọi là Đài Sơn Văn-thù. Đến trong niên hiệu Cảnh Vân (710-712) thời Tiền Đường, có Sa-môn Pháp Vân, chưa rõ vốn giòng họ gì, ở chùa Đại Hoa Nghiêm, từng tư duy Đại Thánh thị hiện cảm hóa, mà không đôn tượng khiến mọi người khắp bốn phương vân du tham lễ biết chiêm ngưỡng vào đâu? Mới sửa sang nhà cửa tìm mời thợ đắp họa nghi dung. Có xử sĩ An Sinh, không rõ biết từ xứ nơi nào đến, một ngày nọ vào ứng sự tìm mời, vì Sa-môn Pháp Vân mà đắp họa tôn xưng. Sa-môn Pháp Vân trả giá rất nồng hậu, muốn thợ làm nhanh. An Sinh nói cùng Sa-môn Pháp Vân rằng: Nếu chẳng tận mắt trông thấy tượng thật thì trọn không thể chẳng nghi”. Mới đốt hương khẩn thiết chí thành cầu thỉnh trong thời gian. Bỗng nhiên Đại Thánh ứng hiện nơi sân, An Sinh mới vui mừng nhảy nhót giữa đất, cầu nguyện rằng: “Xin lưu lại trong khoảng bữa ăn để phỏng họa hết các tướng tốt: “Nhân đó liền đắp họa, về sau trong tâm không một chút nghi ngờ. Mỗi lúc xoay lại trông nhìn, chưa từng chẳng thấy Bồ-tát Văn-thù ở bên cạnh. Trải qua vài

năm công việc mới hoàn tất, mà trước sau có đến bảy mươi hai lần Đại Thánh thị hiện. Nghi dung chân tượng vừa hoàn bị, từ đó linh ứng vang dậy, xa gần đến tựa nương, nên lấy Chân Dung đặt gọi tên viện.

Đến lúc vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998) thời Bắc Tống lên ngôi, vốn bản chất thần võ, nhiếp trị Ngụy chúa, chinh định vũ trụ, tạo dựng lại sinh linh, nên được tượng giáo càng hưng long, Linh Phong càng che phủ. Mới đầu sai Trung Sứ đến núi Ngũ Đài đốt hương chí thành cầu nguyện, đặt biệt tu tạo lại. Ngày mười lăm tháng tư năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980) thời Bắc Tống, ban sắc sứ thần Thái Diên Ngọc, nội thần Dương Thủ Tuân v. v... đến viện Bồ-tát tại núi Ngũ Đài, cùng tăng Thánh tịnh nghiệp tính lương việc tu đạo, và đồng bộ hạt công thợ v. v... Đồng thời ban sắc hai đường Hà Đông, Hà Bắc chuyển vận cung cấp phí dụng tu tạo cho viện Bồ-tát ở núi Ngũ Đài. Đến ngày hai mươi hai tháng tám năm Thái Bình Hưng quốc thứ bảy (982) thời Bắc Tống, Trương Đình Huấn v. v... tấu trình công việc tu tạo hoàn tất. vua Thái Tông trước kia đã tự xuống Tây Thục, sau đến năm Thái Bình Hưng Quốc thứ hai, tức năm Đinh Dậu (phải là năm Đinh Mão mới đúng 977) thời Bắc Tống, ban sắc ở phủ Thành Đô biên tả một tạng Đại Tạng kinh thứ năm bản chữ vàng. Đến ngày mồng năm tháng bảy năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tám, tức năm Quý Mão (phải là năm Quý Sửu mới đúng 983) thời Bắc Tống, lại ban sắc nội thần An Trọng Hối trông xem nghinh đưa đến tôn trí tại viện Bồ-tát ở núi Ngũ Đài, và cứ mỗi năm, độ năm mươi người xuất gia làm tăng.

Đến năm Cảnh Đức thứ tư (1007) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng 998-1023) lại đặc biệt ban sắc nội khố xuất một vạn quan tiền để gia công tu sửa, và tạo dựng một tòa đại các gồm hai tầng rộng mười ba gian, bên trong tôn trí Chân Dung Bồ-tát, ban sắc biển ngạch đề tên là các “Phụng Chân”. Mỗi năm, sai nội thần đến núi thiết trai cúng dường. Từ đó, tầng lầu điện rộng, các bay hiên dài, mây và mặt nhật cùng tỏa, vàng ngọc giao ánh, trang nghiêm sùng phụng vượt hẳn đời trước.

Đến thời vua Nhân Tông (Triệu Trinh 1023-1066) thời Bắc Tống lại kế thừa nghiệp lớn của cha ông ngày trước, giữ phép đại giáo của Nho Thích, từng sai Trung Sứ thiết bày trai cúng đến núi. Mỗi lúc giao tế lễ hoàn tất, đạo tràng thiết trai cúng dường, mọi vật quý báu tốt lành đều xuất từ cấm cung. Tháng ba năm Khánh Lịch thứ tám (1048) thời Bắc Tống, vua Nhân Tông ban sắc sai nội thị Hoàng môn Tạ Võ Khuê đưa đến một chiếc bảo quan. Trước là từ niên hiệu Khánh Lịch (1041-

1049) đến năm Hoàng Hựu thứ ba (1051) thời Bắc Tống, triều đình có ba lần sai sứ phân ban. Từ vua Thái Tông, vua Chân Tông và vua Nhân Tông cả ba triều đại bút ghi ngự thư có cả thảy 180 pho, và nguyên chữ Thiên Trúc có bảy sách. Về sau, có các sơn môn Tăng Thủ, Pháp Tuệ, Thuận Oản đến phía bắc điện Thụy Tướng lại tạo dựng một tòa đại các hai tầng có cả thảy mười ba cột, ở tầng trên thiết đặt đầu quan phân bố, gian giữa an đặt tôn tượng Phật Tỳ-lô-giá-na, khắp bốn phía tạo một vạn tôn tượng Đại Thánh, khắc họa thêu vẽ hết mực tinh xảo. Đến năm Gia Lự thứ hai tức năm Đinh Dậu (1057) thời Bắc Tống, vua Nhân Tông lại ban sắc vào nội. Nội thị tỉnh Lê Vĩnh Đức đưa ngự thư bảo Chương Phi Bạch một mặt bia gạch các đến viện Chân Dung. Đến ngày 22 tháng ba đặt treo trên các.

Nếu chẳng do các bậc vua chúa lưu tâm với Thánh giáo, chú ý nghĩa tưởng đến Linh Phong thì sao từng ban Bảo Nghiêm, tự tay vẩy bút thần huống hồ từ thời vua Thái Tông xưa trước ban sắc ruộng đất chùa núi đều quyên từ thuế khóa. Từ các triều đình xưa trước sùng chuộng, tạo dựng chốn già lam, rộng độ các hàng tăng ni, trừ bỏ các sự sai dịch, nào chỉ một mối. Do đó, ở thời Bắc Tề từng dốc bổng lộc của vài châu, đến thời Tiền Đường có cả chín đời vua xoay lại chiếu cố đó ư?

4. HÒA THƯỢNG NGƯU VÂN CẦU THÔNG MINH

Sa-môn Ngưu Vân vốn người dòng họ Triệu ở Nhạn Môn. Từ thừa bé thơ tướng dáng tựa như ngu độn. Song thân đưa đến ở Hoàng Đường (Trường học), đều không có ý nói xem chỉ mỗi lúc trông thấy tăng ni thì liền nghiêm trang kính lễ. Năm Ngưu Vân 12 tuổi, song thân lại đưa đến các viện Thiện Trú ở chùa Hoa Nghiêm cầu xin xuất gia tôn thờ Sa-môn Tịnh Giác làm thầy. Mỗi lúc sai bảo mức nước hái củi, đại chúng đều dè dặt là quẻ ketch ngu dốt. Đến lúc đủ tuổi, Ngưu Vân thọ giới cụ túc đặc biệt riêng không đụng tập, mãi đến năm ba mươi sáu tuổi, khi ấy đang tháng mùa đông, Ngưu Vân mới phát tâm chí thành từ bên trong, tự suy nghĩ, thổn thức rằng: “Ta thấy mọi người bảo trên đài từng có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thì chỉ cầu mong được thông minh, học tụng kinh pháp”. Khi ấy vừa lúc tuyết rét, mà tâm Ngưu Vân không lùi sợ, trước tiên đến trên đỉnh Đông Đài, bỗng nhiên thấy một người già đốt lửa mà ngồi, Ngưu Vân hỏi: “Tuyết lạnh như vậy, ông từ phương nào lại đây?” Người già ấy đáp: “Tôi từ trên núi xuống”. Ngưu Vân hỏi: “Vì sao trên đường toàn không thấy dấu chân?” Người già ấy đáp: “Tôi đến trước

lúc tuyết đổ” và lại hỏi Ngưu Vân rằng: “Sư có tâm nguyện gì mà xung bạo giữa tuyết đi chân trần đến đây? Há chẳng khổ nhọc ư?” Ngưu Vân đáp: “Tôi tuy xuất gia làm tăng mà tự than trách mình ngu dốt không biết tụng niệm kinh pháp”. Người già ấy hỏi: “Vậy, ý muốn đến đây làm gì?” Ngưu Vân đáp: “Cầu thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chỉ xin được thông minh”. Người già ấy bảo: “Kỳ lạ thay!”, lại hỏi “Nếu ở nơi này mà không thấy gặp Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thì định đi đâu?” Ngưu Vân đáp: “Lại lên trên Bắc Đài”. Người già ấy bảo: “Tôi cũng muốn đi”. Ngưu Vân hỏi: “Đồng đi có được chăng?” Người già ấy bảo: “Xin sư đi trước”. Ngưu Vân mới đi khắp đánh đài rồi cáo biệt, người già ấy theo hướng Tây mà đi. Tới chiều tối, vừa mới đến đánh đài, cũng thấy người già đốt lửa mà ngồi, Ngưu Vân kinh ngạc sinh nghi bảo cùng người già ấy rằng: “Vừa rồi tại Đông Đài cùng giả biệt, tôi đến đây trước. Cơ sao Lão nhân lại đã đến trước?” Người già ấy bảo: “Vì sư không biết đường tắt, do đó mà đến chậm”. Ngưu Vân tuy nghe theo lời nói ấy mà trong tâm vẫn cho rằng chỉ Lão nhân này đáng là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi”, mới bèn lễ bái. Người già ấy bảo: “Tôi là người phạm tục không nên tác lễ”. Ngưu Vân vẫn thiết lễ trong tâm ý chẳng hề đổi thay. Giây lâu, người già ấy bảo: “Hãy đợi tôi nhập định quán xét đời trước ông tạo nghiệp gì mà nay ám độn như vậy”. Người già ấy vừa mới tợ như nhắm mắt, liền vội bảo rằng: “Đời trước ông làm thân trâu, nhân chở tọng kinh của nhà chùa, nên nay được xuất gia làm tăng. Do vì từ trong kiếp trâu lại nên bị ám độn như vậy. Ông hãy đến bên cạnh Long Đường lấy một các vạc lại đây, cho ông phá ngay thịt bụn ở đầu tâm tức liền sáng suốt”. Ngưu Vân bèn y theo lời bảo đó, đến bên cạnh nhà, quả nhiên có được một cái vạc, bèn liền đưa đến cho lão nhân, người già ấy bảo: “Ông chỉ nên nhắm mắt chờ đợi tôi bảo mở mắt mới có thể mở”. Ngưu Vân y theo lời chỉ bảo, cảm giác tợ như ngay tim bị đập phá mà thân không đau nhức, tâm mới rỗng rang như trong nhà tối gặp được đèn sáng, tợ giữa đêm đen mà nhật nguyệt soi sáng. Người già ấy bảo mở mắt. Ngưu Vân đã mở mắt liền thấy người già ấy hóa thành tượng Văn-thù-sư-lợi, bảo cùng Ngưu Vân rằng: “Từ nay trở đi, ông tụng niệm kinh pháp, chỉ trải qua tai mắt tức liền không quên mất viện Giản Đông ở chùa Hoa Nghiêm có nhân duyên lớn với ông, nên ông chớ thói chuyển. Ngưu Vân mới chẳng dần nổi cõi lòng buồn vui lẫn lộn, gieo mình xuống đất kính lễ, trong khoảng chưa ngẩng đầu lên, Bồ-tát đã ẩn mất. Ngưu Vân liền xuống núi, thân thể nhẹ nhàng bèn tập trung kinh pháp, mắt thấy tai nghe, không gì chẳng ghi nhớ. Tháng 5 năm sau, Ngưu Vân đi nhiễu quanh

tháp Dục Vương hành đạo niệm kinh, đến đầu canh hai trong đêm, chợt thấy một luồng ánh sáng thật từ trên đỉnh Bắc Đài suốt liền đến nơi nền tháp, giây lâu mà chẳng tan. Trong luồng ánh sáng ấy xuyên ngang trên các, hiện một tòa các, ánh sáng sắc màu rực rỡ, phía trước có bia văn biển ngạch viết bằng chữ vàng rằng “khéo ở tại các này”. Ngưu Vân mới nhớ lời Bồ-tát dạy răn, bèn y cứ như các hiện trong luồng ánh sáng mà tạo lập. Đến năm Khai Nguyên thứ 23 (735) dưới triều vua Huyền Tông (Minh Hoàng-ly Long Cơ) thời Tiền Đường, Ngưu Vân vừa 63 tuổi, 44 hạ lạc, tự nhiên không bệnh mà thị tịch.

5. PHẬT ĐÀ BA-LỢI VÀO HANG KIM LONG

Phật Đà Ba-lợi tiếng Trung Hoa thời Tiền Đường phiên dịch nghĩa là Giác Ái, vốn người nước Kế Tân thuộc xứ bắc Ấn Độ. Giác Ái vì đạo bậc quên thân mạng vân du tham quan các Linh Tích. Nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở núi Ngũ Đài Thanh Lương, nên xa vượt qua lưu sa, đích thân đến lễ bái tham yết. Năm Nghi Phụng thứ nhất (676) dưới triều vua Cao Tông (Lý Trị 650-684) thời Tiền Đường đến Đài Sơn. Theo hướng nam giẫm trải qua non Tư Dương, thấy cây rừng cao vút lẫn trong mây, cảnh vật thù thắng, trong tâm vui thích, gieo năm vốc xuống đất, hướng về núi đỉnh lễ, thưa rằng: “Sau khi Đức Như-lai diệt độ, các Thánh ngâm ẩn linh thiêng, chỉ có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong núi này, cứu độ quần sinh, giáo hóa các Bồ-tát, Ba-lợi. Con hận trách chính mình sinh gặp tám nạn, chẳng thấy tôn dung Đại Thánh, xa vượt qua lưu sa, cố đến tham yết lễ bái, cúi xin Đại Thánh như tâm từ bi che chở khắp khiến được thấy tôn nghi”. Nói xong, buồn khóc rơi lệ, hướng về đỉnh núi mà kính lễ. Lễ bái xong, bỗng thấy một người già từ trong núi đi ra, với tiếng nói của Bà-la-môn bảo Giác Ái rằng: “Sư tâm tình kính mộ đạo, phỏng tìm Thánh tích, chẳng sợ khổ nhọc, xa tìm linh dị, nhưng chúng sinh ở đất Hán phần nhiều tạo các tội nghiệp, những bậc xuất gia cũng lắm phạm giới luật ở Tây Vực có “kinh Phật đánh tôn thắng Đà-la-ni” có khả năng diệt trừ nghiệp ác của chúng sinh, không biết sư có đem kinh ấy đến chăng?” Giác Ái đáp: “Bần đạo chỉ đến tham yết lễ bái nên không mang kinh đến”. Người già ấy bảo: “Đã không đem theo kinh, khổ nhọc đến đâu có ích lợi gì? Giả sử có thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cũng không biết được sư nên trở về lại thỉnh kinh ấy đến đây, lưu truyền xứ này tức là kính phụng khắp các Thánh, rộng làm lợi ích cho quần sinh, cứu vớt cả cõi u minh, báo đáp ân sâu của chư Phật. Nếu sư thỉnh kinh ấy đến đây được, đệ tử liền chỉ nơi chốn

của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi”. Giác Ái nghe lời nói ấy rồi, chẳng giằng nổi sự vui mừng, bèn cắt đứt dòng lệ, chí tâm lễ bái, vừa ngẩng đầu lên, liền không thấy người già ấy nữa. Giác Ái rất kinh ngạc, càng gấp bội sự chí thành, dốc chí quên cả thân mạng, trở về lại Tây Vực tìm thỉnh “Kinh Phật đánh tôn thắng Đà-la-ni”. Đến năm Vĩnh Thuần thứ hai (683) thời Tiền Đường, Giác Ái trở lại Trường An, tấu trình rõ ràng sự việc như trên, vua Cao Tông lưu bản kinh vào nội cung, thỉnh mời Tam tạng Pháp sư Nhật Chiêu, và ban sắc điển khách lệnh Đỗ hành Khải ở chùa Tư Tân v. v... cùng phiên dịch thành bản kinh theo tiếng Trung Hoa thời Tiền Đường, ban tặng ba trăm xấp lụa quyên và bản kinh được lưu giữ lại ở nội cung. Giác Ái buồn khóc tâu rằng: “Bần đạo bỏ quên thân mạng, thỉnh đem kinh đến, với ý nguyện muốn làm lợi ích khắp các quần sinh, cứu giúp mọi sự khổ nạn, chẳng hề nghĩ tưởng của cải vật báu, không vì sinh lợi liên quan nổi lòng, xin được trả lại bản kinh bằng Phạm ngữ cho Giác Ái. Giác Ái mới mang bản kinh đến chùa Tây Minh, tìm hỏi Sa-môn thuận chánh là vị Tăng ở thời Tiền Đường thông rành Phạm ngữ, tấu trình cùng phiên dịch, vua Cao Tông chấp nhận sự thỉnh cầu đó. Giác Ái bèn đối chiếu với các vị đại đức cùng Sa-môn Thuận Chánh phiên dịch xong. Giác Ái lại mang bản kinh đến núi Ngũ Đài. Ở đời tương truyền Giác Ái vào hang Kim Cang mãi đến nay chẳng trở ra. Sa-môn Thuận Chánh v. v... thuật rõ điều Thánh Luân do Giác Ái nói, và ghi ở đầu bản kinh ấy vậy.

6. HÒA THƯỢNG VÔ TRƯỚC VÀO CHÙA BÁT NHÃ BIẾN HÓA.

Sa-môn Vô Trước vốn người dòng họ Đổng ở Vĩnh Gia thuộc Ôn Châu. Dáng mạo bản chất thông minh trội vượt, nghị lực hơn hẳn đồng bạn, từ thừa bé thơ đã tỏ vẻ thành tánh. Năm mười hai tuổi, Vô Trước nương theo Luật sư Y ở chùa Long Tuyền thuộc bản chân cầu xin xuất gia, tụng kinh Đại thừa vài mươi vạn bài kệ. Năm Thiên Bảo thứ tám (749) thời Tiền Đường, do hạnh nghiệp ưu tú nên được độ. Năm hai mươi một tuổi, Vô Trước mới nối tiếp đạo nghiệp của thầy. Mới đầu tập học tỳ ni. Nhân đến nơi Thiên sư Trung ở núi Ngưu Đầu tại Kim Lăng, tham học pháp định tâm. Giữa mài tiết tháo không khiếm khuyết, chẳng bỏ qua tác bóng, nghiên cùng lý tánh, khéo thấu đạt cội nguồn. Thiên sư trung bảo rằng: “Chí tánh ông thông minh, nên tự khai phát, chúng sinh và Phật vốn không tâm riêng biệt, như mây che nếu trừ tan hết thì hư không vốn trong lành”. Ngay lời nói ấy, Vô Trước chóng tỏ ngộ pháp

nhân, yếu chỉ bí mật của Đông Sơn bèn có chỗ quy hướng.

Tuy đạo không đâu chẳng có mà cảnh thắng dễ theo, Vô Trước bèn xa đến Đài Sơn, quyết chí tìm Đại Thánh. Tháng giêng năm Đại Lịch thứ hai (767) thời Tiền Đường, phát xuất từ chiếc hũ. Đến đầu tháng năm thì tới dưới non Thanh Lương. Bấy giờ đang là ngày nắng nóng, chợt thấy một ngôi chùa biến hóa, hoa đẹp tuyệt ngưng. Vô Trước nhân đó gõ cửa xin vào. Có một Đồng tử tên là Cú Hồ mở ra ứng tiếp, Vô Trước xin Đồng tử vào thưa cùng chủ chùa vì đêm sắp tối nên xin dừng nghỉ lại. Đồng tử được tin báo chấp nhận nên mời Vô Trước vào. Vị Tăng chủ chùa tiếp đãi đối lễ như ở nhân gian. Hỏi rằng: “Sư từ đâu đến?” Vô Trước tỏ bày đầy đủ ý niệm của mình mà đáp. Lại hỏi: “Xứ ấy Phật pháp như thế nào?” Vô Trước đáp: “Đang gặp thời tượng quý nên tùy phần giới luật”. Lại hỏi: “Chúng tăng có được bao nhiêu?” Vô Trước đáp: “Hoặc có được ba trăm, hoặc có được năm trăm”. Và Vô Trước lại hỏi: “Còn phương này Phật pháp như thế nào?” Vị Tăng ấy đáp: “Rồng rắn lẫn lộn dấu vết, Thánh phàm đồng ở”. Vô Trước lại hỏi: “Tăng chúng có được bao nhiêu?” Vị Tăng ấy đáp: “Trước tam tam cùng sau tam tam”. Vô Trước ngưng nghĩ giây lâu không nói năng gì, vị Tăng ấy bảo: “Có hiểu chăng?” Vô Trước đáp: “Không hiểu vị Tăng chủ chùa ấy bảo: “Đã không hiểu, mau phải dẫn đi không nên dừng ở đây lâu”. Và bảo Đồng tử khách ra cửa. Vô Trước hỏi: “Chùa này tên là gì?” Đồng tử đáp: “Là chùa Thanh Lương”. Đồng tử hỏi: “Điều hỏi hỏi này nói trước tam tam cùng sau tam tam, sư có hiểu chăng?” Vô Trước đáp: “Chẳng thể hiểu”. Đồng tử bảo: “Kim Cang sau lưng kia. Ông có thể lén nhìn đó”. Vô Trước mới xoay mặt trông nhìn, thì chùa biến hóa liền ẩn mất. Vô Trước xót xa giây lâu, bèn nói bài kệ tụng rằng:

*“Bỗng khắp sa giới Thánh già lam.
Tràn mắt Văn-thù tiếp đối hàm
Ngay lời chẳng biết mở ấn bảo.
Xoay đều chỉ thấy núi rừng xưa”.*

Vô Trước đã ra khỏi bèn ngồi chờ đợi đến sáng sớm tìm men theo đường tử về. Lúc đó đang là ngày rằm giữa tháng, đến chùa Hoa Nghiêm, Vô Trước yên nghỉ trong tầng đường của Đại chúng. Đến đầu tháng sau, vị Duy Na bảo: “Sau giờ thọ trai, đại chúng đến trao cho Vô Trước và bảo: “Uống trà nhớ đưa đến hang Kim Cang”, Vô Trước vâng nhận lời bảo, chỉ chốc lát uống trà xong, đại chúng giải tán. Vô Trước ngồi trên sàn ở phía nam nhà ăn, thấy một vị Tăng già ngồi nơi sàn phía bắc, hỏi Vô Trước rằng: “Sư từ phương nam đến, có mang chuỗi châu

khéo niệm lại chẳng?”. Vô Trước đáp: “Không chỉ có chuỗi châu thô xấu”. Vị Tăng ấy xin xem. Vô Trước đưa trao chuỗi châu, bỗng nhiên vị Tăng già ẩn mất. Quá trưa hôm sau, đang ngồi trước lầu kinh tạng ở viện Bát nhã, có hai con chim cát tường bồi hồi bay liệng ngay trên đỉnh của Vô Trước vài vòng theo hướng đông bắc mà đi. Qua ba ngày sau, lúc cảnh chánh đông, ngồi tại trong phòng, bỗng thấy hai luồng ánh sáng sắc trắng chiếu đến trên đỉnh Vô Trước rồi diệt mất. Các Sa-môn Pháp Hiền v. v... đồng ở chung phòng đều trông thấy. Vô Trước rất kinh ngạc nói rằng: “Đây là điềm lành gì xin hiện lại để quyết dứt lưới nghi của đệ tử”. Vâng ánh sáng lại hiện, giây lâu sau mới diệt mất. Giữa trưa ngày đó, Vô Trước riêng đến hang Kim Cang. Đã đến nơi, đánh lễ hơn mười lạy, Vô Trước bèn ngồi nghỉ khoảnh khắc. Bỗng thấy như mờ tối, trong giấc ngủ như nghe vài tiếng người gọi trâu tợ như bảo uống nước. Vô Trước kinh hãi tỉnh giấc, chợt thấy một người già tuổi đã tám chín mươi vận mặc vải bố sợi tai thô xấu, chân mang giày gai dẫn trâu mà đi. Vô Trước đến trước nắm tay người già ấy, nhân đó hỏi rằng: “Từ phương nào đến?” Người già ấy đáp: “Xuống dưới núi qua lại xin lương thực”. Vô Trước hỏi: “Nhà ở nơi nào?” Người già ấy đáp: “Tại Đài Sơn này”. Và người già ấy lại hỏi: “Sư có nhân duyên gì mà đến đây?” Vô Trước đáp: “Nghe truyền rằng xứ này có hang Kim Cang, nên đến lễ bái”. Người già ấy hỏi: “Sư có mệt nhọc chẳng?” Vô Trước đáp: “Không mệt nhọc”. Người già ấy bảo: “Sư đã không nhọc mệt cố sao ngủ gật?” Vô Trước đáp: “Phàm phu hôn trầm, đâu có gì phải quái lạ”. Người già ấy bảo: “Sư hôn trầm, xin sư nghỉ chốc lát uống trà có được chẳng?” Vô Trước hứa vâng. Người già ấy đưa tay chỉ về phía Đông bắc, Vô Trước ngược mắt nhìn theo, thấy một ngôi chùa, chỉ cách xa hơn năm mươi bộ. Người già ấy dẫn trâu đi trước, Vô Trước tiếp bước theo sau. Đã đến nơi, cửa đóng người già ấy gọi “Quân Đề” vài tiếng, có một Đồng tử mở cửa đi ra, thấy Vô Trước tỏ bày lễ bái, liền dẫn trâu vào và mời Vô Trước vào, chỉ thấy đất ở đó bằng phẳng toàn sắc màu lưu ly, nhà cửa hiên vũ thuần toàn vàng ròng. Ngôi nhà ấy có ba giá, đông tây hai vách, mỗi mỗi có một gian. Người già ấy mời Vô Trước lên nhà, tự ngồi nơi cây Bách Xuyên qua sần, còn chỉ một cái đôn gấm mà bảo Vô Trước ngồi. Đồng tử đưa hai bình trà đến toàn là bằng chén lưu ly và mỗi bên có một hình tô mật tức bằng mít đôi mỗi. Người già ấy bảo Vô Trước rằng: “Ở phương Nam có vật này chẳng?” Vô Trước đáp: “Không”. Người già ấy bảo: “Phương Nam đã không có vật này, thì có thể uống trà”. Vô Trước im lặng không nói gì. Người già ấy lại

bảo: “Tạm uống trà đã xong” và tiếp hỏi: “Sư xuất gia làm sự nghiệp gì?” Vô Trước đáp: “Đều không sự nghiệp gì, với trong đại Tiểu thừa cũng không có công khóa gì, chỉ khiến qua ngày mà thôi”. Người già ấy hỏi: “Mới đầu xuất gia, sư vốn cầu việc gì?” Vô Trước đáp: “Vốn cầu đại quả”. Người già ấy bảo: “Sư dùng tâm ban đầu mà tu tập tức được”. Và tiếp hỏi: “Sư nay đã bao nhiêu tuổi?” Vô Trước đáp: “31 tuổi”. Người già ấy bảo: “Năm 38 tuổi phước xưa trước của sư hẳn đến lúc, lại đối với xứ này rất có duyên”. Và tiếp bảo Vô Trước rằng: “Sư từ từ mà về, khéo trông nhìn đường sá, chớ để tổn hại chân, tôi tạm nằm nghỉ chốc lát”. Vô Trước xin được ở lại một đêm. Người già ấy không chấp nhận, bảo: “Sư bởi duyên có hai người bạn, nếu chẳng thấy sư về tức trong lòng rất lo khổ. Vả lại chưa có duyên ở đây, sư có thể chấp vậy”. Vô Trước thưa: “Người xuất gia có chỗ nào đáng chấp? Tuy có bạn đồng hành cũng chẳng đoái hoài quyến luyến”. Người già ấy hỏi: “Sư có thường trì ba pháp y chăng?” Vô Trước đáp: “Từ lúc thọ giới trở lại nay thường luôn hành trì”. Người già ấy bảo: “Đó là chỗ chấp vậy”. Vô Trước đáp: “Đã từng nghe”. Người già ấy bảo: “Chuẩn cứ theo luật dạy “Minh tướng Tiểu thừa không gặp nạn chẳng được xả bỏ pháp y”. Sư sớm xuống núi đi”. Và người già ấy liền đứng dậy, Vô Trước cũng đứng dậy theo ra trước nhà mà đứng. Người già ấy nói bài kệ tụng rằng:

“Nếu người ngồi lắng trong chốc lát.

Hơn tạo muôn vàn tháp báu báu.

Tháp báu sẽ lưu tự vi trần

Một niệm lắng tâm thành chánh giác”.

Nói bài kệ tụng xong, ngoảnh nhìn Đồng tử bảo đưa tiễn ra khỏi chùa. Người già ấy vỗ vai Vô Trước mà bảo: “Sư hãy khéo đi”. Vô Trước liền lui ra, đến bên cạnh hang Kim Cang, Đồng tử hỏi: “Đây là hang gì?” Vô Trước đáp: “Hang này tên là Kim Cang”. Đồng tử hỏi: “Dưới Kim Cang lại còn có chữ gì?” Vô Trước suy nghĩ giây lâu, nói cùng Đồng tử rằng: “Dưới có chữ Bát nhã”. Đồng tử bảo: “Đây tức là chùa Bát nhã Biến Hóa vậy”. Vô Trước nắm tay Đồng tử kính lễ một bái mà giả biệt. Đồng tử bảo: “Xoay lại kính lễ Thánh hiền”. Và nhân đó nói bài kệ tụng rằng:

“Trên mặt không sân, vật cúng dường.

Trong miệng không sân, nhả hương thơm.

Trong tâm không sân là báu thật.

Không nhiễm không đắm là chân như”.

Nói bài kệ rồi, Vô Trước lại kính bái, vừa ngẩng đầu lên bèn

không thấy Đồng tử nữa và chùa Biến Hóa cũng ẩn mất, chỉ thấy rừng xanh với vối, cây cao sẫm uất, Vô Trước xót xa luyến mộ, đứng chờ đợi giây lâu, nhân quán sát nơi gặp người già kia, có mây trắng ùn nổi lên, phút chốc tỏa khắp hang cốc, thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cưỡi sư tử lớn, có muôn Thánh cùng theo, chừng khoảng bữa ăn, ở phía Đông có một đoạn mây đen lại trôi qua, Bồ-tát liền ẩn mất, rồi khoảnh khắc mây tan. Thế rồi, gặp Sa-môn tu chính ở chùa Bồ-tát tại phần châu v. v... cả thấy sáu người đồng đến hang Kim Cang, kính lễ Thánh tích, bỗng nghe đá núi chấn động, tiếng vang như sấm sét, chư tăng đều kinh sợ bỏ chạy ánh ngời cả lũy, chốc lát bèn dứt. Sa-môn tu chính v. v... dò hỏi, Vô Trước mới nói các việc gặp gỡ. Sa-môn tu chính mừng nghe được Thánh tích nhưng tự hận chẳng được trông thấy việc đó, bèn than khổ giây lâu, mới y theo lời Vô Trước nói, cứ như thật mà biên ghi lưu truyền khắp xa gần, chỉ cho người sau trông xem, mà chú ý nghĩ tưởng đến Linh Phong.

Sa-môn Vô Trước, với việc tu tạo cúng dường, đầy đủ như ở biệt lục biên ghi, ở đây chẳng thuật nói nhiều. Lại nữa, trong “Hoa Nghiêm sao” nói là Vô Trước về sau thường nghĩ ngợi đến Linh Di, một ngày nọ lại đến nơi hang Kim Cang, tham quan lễ bái Thánh tích, gặp một người già bảo đi vào, Vô Trước đẩy người ấy rảo bước, bèn không thấy trở ra. Vô Trước đứng chờ đợi trước hang đều không trông thấy gì, bỗng thấy có vài người mặc đội khăn áo sắc màu đỏ tía nghiêm nhiên đến trước hang cùng đẩy nhau đi vào. Vô Trước trong tâm nghi ngờ, nhân đó hỏi người cùng đi theo rằng: “Đó là người nào mà được vào trong hang ấy?” Đó là một trong vạn vị Bồ-tát thường đi xiển dương hoàng hóa các nơi, đảm nhận làm quan lâu năm, chức trách đã mãn tức trở về trong hang đây, bởi do Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi hiện ở hang đây giảng kinh Hoa Nghiêm”. Nghe nói vậy, Vô Trước vui mừng cùng theo nó, mới đi được vài ba bước, hang đá bỗng hẹp nhỏ, không dung cho vào mới thôi.

7. HÒA THƯỢNG THẦN ANH VÀO VIỆN PHÁP HOA BIẾN HÓA.

Sa-môn Thích Thần Anh vốn người dòng họ Hàn ở Thương Châu, từ bé thơ đã tỏ ngộ đạo, đến tuổi búi tóc theo thầy tập học đọc tụng rất tinh cần. Suốt đêm ngày chẳng biếng lười, dốc sức thờ thầy, năm sự chẳng khuyết thiếu. Tiết tháo sánh như tùng quân, tâm tánh đồng tợ vàng đá, theo tuổi thọ giới cụ túc, hạnh nghiệp càng tịnh tu. Mỗi lúc nghĩ đến kiếp sống bỗng bệnh nhanh chóng chỉ trong nháy mắt, bèn mới

chống mang tích tượng vân du, tìm phỏng các thiện tri thức, sớm thông thiền định và tỏ rõ kinh luận. Xa đến Nam Nhạc tham học nơi Thiền sư Thần Hội. Một ngày nọ, Thiền sư Thần Hội bảo cùng Thần Anh rằng: “Đối với núi Ngũ Đài, ông có nhân duyên rất lớn hãy nhanh theo hướng bắc mà đi chiêm lễ Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, và phỏng tìm di tích”. Đã vâng theo lời thầy chỉ dạy, Thần Anh cố gắng quên cả nhọc mệt.

Vào giữa tháng sáu Khai Nguyên thứ tư (716) thời Tiền Đường, Thần Anh đến núi, nguyện cầu được đánh lễ Đại Thánh, bèn dừng ở tại viện Hoa Nghiêm Vương. Một ngày nọ, sau khi thọ trai, Thần Anh riêng một mình đến bờ rừng phía tây, bỗng thấy một ngôi tịnh xá, biển ngạch đề là “viện Pháp Hoa”, Thần Anh thẳng vào đi quanh tham lễ, chỉ chốc lát thấy một tòa tháp Phật Đa-bảo có bốn cửa, Ngọc Thạch khắc chạm hình tượng tinh xảo đẹp xinh ngời sáng, thợ thần hiếm kịp. Tiếp đến phía sau có lầu “Hộ quốc nhân vương” rộng năm gian, phía trên có tôn tượng Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền và bộ tùng toàn bằng ngọc thạch. Trước có ba cửa cả thảy có mười ba gian, phía trong cửa có hai nách có hàng quan đạo tràng, cũng có tôn tượng Văn-thù, Phổ Hiền và Bộ tùng, phía ngoài cửa là biểu đồ huyết mạch mười ngôi chùa ở núi Ngũ Đài. Đi quanh tham lễ đã xong, Thần Anh muốn ra ngoài cửa viện, lại thấy có chúng tăng tướng trạng thần dị. Trong tâm sinh nghi ngờ đây là cảnh biến hóa, bèn ra theo hướng đông mà đi, vừa khoảng ba mươi bước, bỗng nghe có tiếng nói, xoay đầu trông nhìn lại, toàn không thấy gì. Thần Anh mới buồn khóc giây lâu rồi mới bảo là: “Đây hẳn là do Đại Thánh biến hóa. Ta đối với xứ này có nhân duyên rất lớn”. Bèn đến nơi chỗ viện biến hóa ấy dựng lập am mà ở và phát thệ nguyện là sẽ y như viện biến hóa mà dựng lập ngôi già lam. Thần Anh ở đó hơn một năm, mọi người quy hướng nương tựa đông nhiều, bèn tìm mời thợ giỏi tạo dựng, chẳng phải đáp trả công thợ. Mọi thứ cần sử dụng đều tùy duyên, xa từ các châu khác cách cả ngàn dặm cũng tìm kiếm ngọc thạch để chế tạo tôn tượng giữa gọt đẽo khắc rất mực tinh xảo, nhập thần khắc đắp nơi tường vách, phần nhiều là vết tích thật của Ngô Đạo Tử. Đến lúc viện tạo dựng hoàn tất, chi phí tốn cả trăm muôn, khắc đề biển hiệu là viện Pháp Hoa. Thần Anh trú trì tại đó, hưởng thọ 75 tuổi. Một ngày nọ, kêu gọi các hàng môn nhân đệ tử căn dặn mọi việc về sau, rồi an nhiên thị tịch. Tuy thời đại năm tháng đã lâu xa nhưng linh tháp vẫn hiện còn.

8. HÒA THƯỢNG ĐẠO NGHĨA VÀO CHÙA KIM CÁC BIẾN HÓA.

Thiền sư Đạo Nghĩa chưa rõ vốn dòng họ gì, người xứ Giang Đông. Đến thọ học nơi chùa Long Hưng Cù Châu; Thần khí thanh thoát dáng cốt của tú, đạo phong nổi bật thể nhân. Ngày 23 tháng 04 năm Khai Nguyên thứ 24 (736) thời Tiền Đường, xa từ Giang Biểu, Đạo Nghĩa cùng Sa-môn Phổ Thủ ở Hàng Châu đồng đi đến chùa Thanh Lương tại núi Ngũ Đài, dừng nghỉ nơi nhà dùng cháo, có vị Tăng chủ sự bảo rằng: “Xin tất cả đại chúng đồng đến Đông Lĩnh để mang vắc củi”. Đạo Nghĩa bèn dùng một đôi giày tre mượn người đi thế. Xong, bèn mang ba pháp y áo nạp riêng một mình theo hướng đông bắc mà đi. Phỏng tìm nơi ở của Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, trong tâm tự tư duy rằng: “Đại Thánh là thầy của chín đời Phật Tổ, thần dụng chẳng thể nghĩ lường, mây hồng ẩn hiện chẳng do đâu được biết. Tự hận xuất gia trong thời mật pháp, Thánh hiền đều ẩn tích, chỉ có cảnh Thánh núi Ngũ Đài đây, nhiếp hóa tất cả sinh linh. Dáng vàng vằng ngọc có lúc hiện bày. Đoái hoài từ xứ Giang Tả xa đến Linh Sơn không có hoạn nạn bởi nhờ sức gia trì mà nên. Cúi xin Đại Thánh nhủ lòng từ bi thấm đượm rộng khắp chẳng phân chọn khô vinh, ứng hiện thân thật, thì con kẻ ngu si chí thành mang nguyện đó, tâm chí tinh thành nhất niệm, người vật đều quên” bỗng nhiên ngẩng mắt thấy một người già, thân hình to lớn dung mạo đáng vẻ ánh ngời, tóc tơ xanh biếc, đánh đầu có điểm nổi, thân mặc áo vân nạp, thần thái nghiêm trang cao vợi cõi 01 con voi trắng từ trên đánh núi mà đến. Đạo nghĩa trông thấy rồi, bất chợt lánh đường, gieo mình nơi đất, dốc tâm chí thành kính lễ. Voi đi rất nhanh, chốc lát liền đến. Voi đưa vòi xúc phạm Đạo Nghĩa, với ý khiến nên lễ bái. Đại Thánh tặng bảo Đạo Nghĩa rằng: “Sư xa từ giang biểu, lại vượt qua Linh Sơn, chẳng sợ gian nan nguy hiểm, gom cả Thánh thần, nhưng một cảnh núi Ngũ Đài đây, trên dưới gồm có năm ngọn, chẳng luận kẻ tăng người tục, cho đến bước chân giẫm đạp trên một hạt bụi một viên đá, thì chẳng chỉ diệt tội sinh tử. Đức Phật dự ghi những người như vậy trong tương lai sẽ được thân sắc vàng tía. Ngày nay tuy sắc trời hòa ấm, nhưng trên đánh núi gió lạnh, tức thời tạm đi phải lấy áo gấm, sáng mai lên đài rất được tiện nghi vậy”. Đạo Nghĩa bèn đánh lễ kính tạ, chưa kịp trông nhìn lại, voi đã đi qua nhanh như gió, mịt mờ chẳng thấy gì nữa. Đạo Nghĩa trở về lại chùa Thanh Lương lấy áo khăn gói tại đó. Từ trong đêm chưa sáng bèn đến Tây Đài, quả nhiên gặp gió lạnh. Đạo Nghĩa trong tâm tự lấy làm quái lạ sự việc trước, chẳng dám nói với mọi

người. Kịp tới lúc lên đánh đài, quả nhiên trông xem khắp cùng. Sáng ngày sau đến Trung Đài, vừa đi được nửa đường, lại thấy gặp vị lão tăng cưỡi voi hôm qua chống gậy mà đến, bảo cùng Đạo Nghĩa rằng: “Sư có thể gặp đi đến nơi kia thọ thực, ngày nay lão tăng phải đến Thái Nguyên, thứ nhất là có duyên đến phó trai ở nhà của Vi Duẩn, thứ hai là cần luận bàn một ít sự việc. Nhưng giả biệt không lâu, lấy sau giờ Ngọ làm kỳ hạn, Sư chớ rảo bước đông tây xa vởi, sẽ tự có tin tức”. Đạo Nghĩa kính lễ chưa xong, vụt chốc lão tăng đã đi mất, Đạo Nghĩa bèn đi phía trước, đến nơi cúng dường, quả nhiên cùng chư tăng thọ thực. Tiếp theo Đạo Nghĩa lại lấy làm quái lạ đó, an ủi rướm lệ tâm linh, thân thể quên cả nhọc mệt. Đến lúc quá trưa, lược không tin tức gì, Đạo Nghĩa lên đánh non trông nhìn xa, tay xách bình nước tham lễ, nhất tâm chú ý nghĩ tưởng Chân Nghi Đại Thánh. Lại nhớ lời vị thần tăng cưỡi voi chỉ dạy, đứng đợi tin tức, chẳng dám biếng lười. Nhân đó bước ra phía nam Tăng Đường, đi khoảng vài mươi bước đưa mắt trông nhìn xa, bỗng thấy một Đồng tử tuổi khoảng 13-14, mặc y phục mới sắc vàng, chân mang giày gai mới, tự xưng tên là Giác Nhất và bảo là: “Hòa thượng đang ở tại chùa Kim Các bảo ra mời A-xà-lê Đạo Nghĩa ở Cù Châu đến uống trà”. Đạo Nghĩa vội theo Giác Nhất theo hướng đông bắc đi khoảng vài ba trăm bước, ngửa mắt trông thấy một chiếc cầu vàng. Đạo Nghĩa liền theo bước lên tức đến chùa Kim Các. Ba cửa lầu gác thuần toàn vàng ròng sáng ngời lóa mắt. Các lớn ba tầng trên dưới có chín gian. Trông nhìn đó rất kinh lạ, Đạo Nghĩa dốc tâm chí thành kính lễ, bèn vào sân chùa. Điện đường hiên vũ đều toàn trang sức bằng vàng báu. Riêng lầu lớn ngay đường và chiếc cầu đi qua thuần toàn vàng thật sắc tía làm thành Đạo Nghĩa trông nhìn chẳng ngưng nghỉ, thần ý như lạt mắt, chỉ biết chí thành kính lễ. Đồng tử dẫn Đạo Nghĩa vào nơi gian nhà phía Đông, rồi theo hướng nam đến cửa viện thứ nhất. Bỗng thấy vị lão tăng cưỡi voi ngồi nơi giường chông lớn bằng vàng tại cửa mà bảo: “A Sư đến đó ư? Chẳng cần phải lễ bái, xin mời bước lên thêm cấp”. Đạo Nghĩa muốn trải tọa cụ để kính lễ. Lão tăng bèn cản ngăn, Đạo Nghĩa không dám trái mạng. Liền bước lên nhà đứng đợi. Đại Thánh bảo Giác Nhất đem lại một chiếc giường chông nhỏ và bảo “Xà lê ngồi nơi giường chông ấy”. Mọi vật mới toàn thuần vàng ròng. Đạo nghĩa chấp tay đánh lễ, lo sợ mà ngồi, trong lòng kinh lạ ngợi khen nhưng chưa dám thưa hỏi. Chốc lát sau Đại Thánh bảo cùng Đạo Nghĩa rằng: “Sư từ Giang Đông đến, Phật pháp ở xứ đó như thế nào?” Đạo Nghĩa đáp: “Trú trì mật pháp, ít kính phụng giới luật, nếu chẳng tận mắt chứng kiến thì không thể biết

được”. Đại Thánh bảo: “Lành thay!” Nhân đó, Đạo Nghĩa mới dám hỏi Hòa thượng rằng: “Trong đây Phật pháp như thế nào?” Đại Thánh đáp: “Phật pháp trong đây, Thánh phàm đồng ở, thẳng tại danh tướng, chỉ tùy duyên làm lợi vật tức là Đại thừa”. Đạo Nghĩa nói: “Chùa viện của Hòa thượng thoáng rộng, nhìn tận mắt đều là vàng ròng làm thành, hàng ngu si tình chẳng thể lường biết, có thể gọi là chẳng thể nghĩ bàn vậy”. Đại Thánh bảo: “Đúng vậy”. Và bèn bảo Giác Nhất đem trà và được thực lại. Đã đem đến, lại bảo Đạo Nghĩa uống ăn, mùi vị phảng phất rất khác mùi vị tầm thường. Uống ăn xong, Đại Thánh lại gọi Giác Nhất và bảo dẫn đưa A Sư đi tham quan mười hai viện. Đạo Nghĩa bèn cùng Giác Nhất đi khắp các viện tham yết. Đến trước nhà ăn lớn, thấy có nhiều tăng lữ, hoặc tòa thiền, hoặc trì luật, hoặc ngồi, hoặc đi, ước số cả muôn vạn, hoặc lại thọ lễ, hoặc là tương thừa tiếp lấy. Đề gạch ở mười hai mỗi mỗi khác nhau.

- Ở hiện phía Đông có sáu viện, đó là:

- 1- Viện Bồ-tát Đại Thánh.
- 2- Viện Bồ-tát Quán Âm.
- 3- Viện Bồ-tát Dược Vương.
- 4- Viện Bồ-tát Hư Không Tạng.
- 5- Viện Bồ-tát Đại Tuệ.
- 6- Viện Bồ-tát Long Lũy.

- Ở hiện phía tây có sáu viện, đó là:

- 1- Viện Bồ-tát Phổ Hiền.
- 2- Viện Bồ-tát Đại Thế Chí.
- 3- Viện Bồ-tát Dược Thượng.
- 4- Viện Bồ-tát Địa tạng.
- 5- Viện Bồ-tát Kim Cang Tuệ.
- 6- Viện Bồ-tát Mã Minh.

Đạo Nghĩa đi quang bái yết xong, Lão tăng bảo Đạo Nghĩa hãy sớm trở về, núi lạnh khó thể ở lại được. Đạo Nghĩa bèn giả từ Lão tăng, ra khỏi chùa khoảng trăm bước, xoay nhìn lại thì đã ẩn mất tất cả, chỉ toàn núi không, cây cao mà thôi, mới biết đó là chùa biến hóa, Đạo Nghĩa bèn trở về Trường An. Năm Đại Lịch thứ nhất (746) thời Tiền Đường, Đạo Nghĩa nêu bày sự việc tấu trình cùng vua Đại Tông (Lý Dự 763-780) thời Tiền Đường, vua bèn ban sắc tạo dựng chùa, và ban sắc sai bảo mười tiết độ sứ trông coi việc tạo dựng.

9. HÒA THƯỢNG PHÁP CHIẾU VÀO CHÙA TRÚC LÂM BIẾN HÓA.

Sa-môn Thích Pháp Chiếu vốn người xứ Nam Lương, chưa rõ dòng họ là gì. Ngày mười ba tháng hai năm Đại Lịch thứ hai (767) thời Tiền Đường, đang ăn cháo tại trai đường Vân Phong ở Nam Nhạc, Pháp Chiếu nhìn trong bát bỗng thấy từ chùa Phật Quang ở núi Ngũ Đài về phía Đông bắc cách hơn một dặm có núi, dưới núi có khe suối, ở phía Bắc khe suối có một cửa đá lớn, đi khoảng năm dặm, thấy có một ngôi chùa, biển ngạch đề là “Chùa Đại Thánh Trúc Lâm”, giây lâu mới ẩn mất, trong tâm Pháp Chiếu rất lấy làm kinh lạ. Lại đến giờ thìn ngày hai mươi bảy, nhìn vào trong bát, Pháp Chiếu lại thấy chùa Hoa Nghiêm ở núi Ngũ Đài và các chùa đều rõ ràng có thể trông xem, đất toàn vàng ròng, không có rừng núi, trong ngoài đều sáng suốt, ao đài lầu quán, đều dùng bằng các vật báu trang nghiêm. Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi và cả vạn vị Bồ-tát đồng ở trong đó. Lại thấy cõi nước thanh tịnh của chư Phật. Đến lúc ăn xong mới ẩn mất. Trong tâm càng rất nghi ngờ, trở về trong phòng viện Pháp Chiếu kể nơi cùng chúng tăng và hỏi có người nào từng đến núi Ngũ Đài chăng? Khi ấy có hai vị Xà Lê Gia Diên và Đàm Huy Ứng đáp: “Chúng tôi đã từng đến núi Ngũ Đài ghé dừng ở chùa Phật Quang, cùng như sư thấy trong bát tương đồng vậy”. Tuy hỏi biết nhưng Pháp Chiếu cũng chưa phát tâm đi tham lễ.

Đến mùa Hạ năm Đại Lịch thứ tư (769) thời Tiền Đường, Pháp Chiếu lên trên lầu cao ở chùa Tương Đồng tại Hành Châu, suốt chín tuần vào đạo tràng niệm Phật. Đến giờ mùi ngày mồng hai tháng sáu, thấy mây lành giăng khắp phủ che các chùa, trong mây ứng hiện các lầu các, trong các có vài mươi vị Phạm tăng thân hình cao lớn cả một trượng cầm tích hành đạo. Phụng Quách ở Hành Châu đều thấy Phật A-di-đà và Văn-thù, Phổ Hiền cả thấy một vạn vị Bồ-tát đều ở trong chúng hội, thân hình cao lớn. Đại chúng thấy Đại Thánh ứng hiện, buồn khóc kính lễ, mãi đến giờ dậu mới ẩn mất. Đến chiều tối, Pháp Chiếu đi ngoài đạo tràng, gặp một người già tuổi khoảng bảy mươi bảo cùng Pháp Chiếu rằng: “A Sư từng phát nguyện đến núi Ngũ Đài, sao mãi đến nay mà chẳng đi?” Pháp Chiếu đáp: “Thời gian khó khăn đường xá hiểm trở, làm sao đi được?” Người già ấy bảo: “Sư có thể nên gấp đi”. Pháp Chiếu liền vào đạo tràng, lại phát nguyện chí thành sau khi mãn hạ sẽ đến núi Ngũ Đài đánh lễ Đại Thánh. Đến ngày mười ba tháng tám năm đó (769) từ Nam Nhạc, Pháp Chiếu cùng mười người đồng chí ý đến núi Ngũ Đài, quả nhiên không bị nạn ngại.

Ngày mồng năm tháng tư năm sau (770) mới đến huyện Ngũ Đài, từ phía nam xa trông về chùa Phật Quang ở phía nam có vài mươi luồng ánh sáng sắc trắng, mọi người đều trông thấy. Qua ngày mồng sáu, đến chùa Phật Quang dừng nghỉ. Quả nhiên đúng là chùa như thấy trong bát. Quá nửa đêm đó, nhân ra cửa phòng, Pháp Chiếu bỗng thấy một luồng ánh sáng sắc trắng từ dưới núi phía bắc soi chiếu lên trước mặt Pháp Chiếu. Pháp Chiếu bèn vội vào trong phòng nhà, mới hỏi chư tăng: “Đó là tướng ánh sáng gì?” Có vị Tăng đáp: “Ở xứ này thường có tướng ánh sáng của Đại Thánh chẳng thể nghĩ bàn”. Nghe xong, Pháp Chiếu liền chỉnh cụ oai nghi rồi bước tìm theo tướng ánh sáng đó, bèn đến phía Đông bắc của chùa cách khoảng một dặm có núi, dưới núi có khe suối, phía bắc khe suối có cửa đá, và thấy có hai Đồng tử mặc áo sắc xanh khoảng tám-chín tuổi, dáng mạo rất đoan chính, tựa cửa mà đứng. Một người xưng là Thiện Tài, và một người xưng là Nan Đà. Vừa cùng thấy rất vui mừng kính lễ thăm hỏi Pháp Chiếu rằng: “Cớ sao trải qua thời gian lâu dài trôi dạt trong sinh tử, nay mới lại cùng thấy gặp?” và bèn dẫn Pháp Chiếu vào cửa theo hướng bắc mà đi gần đến năm dặm bỗng thấy một cửa lầu vàng cao chừng trăm thước, lại có lầu cặp nách, dẫn đến nơi cửa mới thấy một ngôi chùa, trước mặt chùa có chiếc cầu vàng lớn, có bảng vàng đề là “chùa Đại Thánh Trúc Lâm”, mỗi một đều như Pháp Chiếu từng thấy trong bát, chu vi rộng khoảng hai mươi dặm, trong đó có một trăm hai mươi viện, trong mỗi viện đều có tháp báu trang nghiêm. Đất ở đó thuần toàn vàng ròng, suối cầu hoa quả khắp đủ trong đó. Pháp Chiếu vào chùa, đến trong giảng đường, thấy Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi ở phía tây, Đại Thánh Phổ Hiền ở phía Đông, đều ngồi trên tòa sư tử giảng nói pháp. Tiếp đến thân Đại Thánh và tòa cao cả trăm thước. Hai bên Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi có hơn vạn vị Bồ-tát, và nơi Đại Thánh Phổ Hiền cũng có vô số Bồ-tát vây quanh trước sau. Pháp Chiếu đến dưới tòa sư tử trước hai Đại Thánh, cúi đầu đánh lễ xong, thưa hỏi hai Đại Thánh rằng: “Hàng phàm phu ở trong thời mạt pháp, cách Thánh lâu xa, trí thức chuyển dần kém cỏi, nghiệp chướng dơ bẩn càng sâu dày, phiền não khuấy che trời buộc, Phật tánh chẳng do đâu mà hiện bày. Với Phật pháp mênh mông, không biết tu hành pháp môn gì rất là cốt yếu, để được thành Phật, lợi lạc quần sinh, cúi xin Đại Thánh vì dứt trừ lưới nghi!”. Khi ấy, Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi bảo rằng: “Ông dùng pháp niệm Phật, nay chánh phải lúc, trong các môn tu hành không gì qua môn niệm Phật, cúng dường Tam bảo, phước tuệ sang tu, hai môn này rất là cốt yếu. Cớ sao như vậy? Trong đời

kiếp lâu xa ở thời quá khứ, tôi nhân quán Phật, nhân niệm Phật nhân cúng dường. Nên nay được nhất thiết chủng trí. Cho nên tất cả các pháp Bát nhã Ba-la-mật, hiện thiên định sâu xa, cho đến chư Phật thành vô thượng giác, đều từ niệm Phật mà sinh. Nên biết niệm Phật là vua của các pháp. Các ông nên phải thường niệm pháp vương vô thượng, khiến chớ ngưng nghỉ”. Pháp Chiếu lại hỏi: “phải nên niệm như thế nào?” Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi bảo: “Từ thế giới này về phương tây có cõi nước cực lạc, ở đó hiện có Đức Phật hiệu là A-di-đà. Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Nên phải buộc niệm quán tưởng cõi nước ấy khiến không gián đoạn. Sau khi mạng chung quyết định vãng sinh về trong cõi nước Đức Phật ấy, trọn không thối chuyển, chóng vượt ra ba cõi mau được thành Phật”. Nói lời ấy rồi, khi đó cả hai Đại Thánh duỗi cánh tay sắc vàng xoa đánh của Pháp Chiếu mà vì thọ ký: “Ông đã niệm Phật, không lâu nữa sẽ chứng đắc Bồ-đề Vô thượng chánh đẳng. Nếu người Thiện Nam kẻ tín nữ nào mau chứng đắc vô thượng Bồ-đề, hết một báo thân này nhất định vượt qua biển khổ, đến thấu bờ kia”. Khi ấy Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi vì nói bài kệ tụng rằng:

*“Các ông muốn cầu được giải thoát.
Trước nên phải trừ tâm ngã mạn.
Ganh ghét lợi danh và xan tham.
Dứt bỏ các ý bất thiện ấy.
Nên chuyên xưng niệm hiệu Di đà.
Túc hay an trú cảnh giới Phật.
Nếu hay an trú cảnh giới Phật.
Là người thường thấy hết thầy Phật.
Nếu được thường thấy hết thầy Phật.
Túc hay thấu đạt tánh chân như.
Nếu hay chóng dứt các phiền não.
Túc hay thấu đạt tánh chân như.
Ở trong biển khổ mà thường lạc.
Thí như hoa sen chẳng dính nước.
Và tâm thanh tịnh vượt sông ái.
Túc hay nhanh chứng quả Bồ-đề”.*

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói thêm bài kệ tụng nữa:

*“Các pháp chỉ tâm tạo.
Rõ tâm chẳng khác được.
Thường theo đây tu hành.
Gọi là tướng chân thật”.*

Bồ-tát Phổ Hiền cũng nói bài kệ rằng:

*“Bảo ông cùng với hết thầy chúng.
Thường nên khiêm hạ các Tỳ-kheo.
Nhẫn nhục tức là nhân Bồ-đề.
Không sân hận được báo đoan nghiêm
Mọi người trông thấy đều hoan hỷ.
Tức phát tâm Bồ-đề vô thượng.
Nếu theo lời đây mà tu hành.
Vô số cõi Phật theo tâm hiện.
Đều hay tu tập các hạnh nguyện.
Chuyển tiếp hết thầy các hữu tình.
Mau lia sông ái đến bờ kia. ...”*

Nghe xong, Pháp Chiếu vui mừng nhảy nhót, lười nghi hết thầy đều dứt trừ, Pháp Chiếu lễ tạ rồi, chấp tay mà đứng. Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi bảo Pháp Chiếu rằng: “Ông có thể đến viện của các Bồ-tát lần lượt mà kính lễ. Đã vâng theo lời chỉ bảo rồi. Pháp Chiếu lần lượt đi tham lễ, bèn đến nơi vườn trái cây bảy báu. Trái cây ấy vừa mới chín lớn bằng cái chén, Pháp Chiếu bèn hái ăn, mùi vị rất thơm ngon. Pháp Chiếu ăn xong, thân ý thư thái, trở về trước Đại Thánh, đánh lễ mà lui ra. Sai hai Đồng tử đưa ra ngoài cửa. Đánh lễ rồi, ngẩng đầu bỗng nhiên không thấy nữa. Pháp Chiếu mới bùi ngùi càng gấp bội buồn cảm. Bèn dựng đá ghi dấu, đến nay vẫn hiện còn.

Ngày mồng tám tháng tư đến viện Bát nhã tại chùa Hoa Nghiêm dừng nghỉ dưới lầu phía tây. Đến sau giờ ngọ ngày mười ba, Pháp Chiếu cùng hơn năm mươi vị Tăng đồng đến hang Kim Cang đi quanh tham lễ, đến nơi Hòa thượng Vô Trước thấy gặp Đại Thánh, chỉ tâm kính lễ danh hiệu ba mươi lăm Đức Phật, vừa lễ bái hơn mười biến, bỗng thấy nơi ấy đều thuần là cung điện lưu ly bảy báu. Đại Thánh Văn-thù, Phổ Hiền cùng vạn vị Bồ-tát, đồng thời Phật đà Ba-lợi đồng tại trong một pháp hội. Trông thấy rồi, Pháp Chiếu chỉ tự mừng vui, theo chúng trở về chùa. Giữa đêm đó, đến trên lầu phía tây chùa Hoa Nghiêm, bỗng thấy một ngôi chùa ở lưng chừng núi phía Đông, có năm chén đèn Thánh lớn như cái bát, Pháp Chiếu cầu nguyện rằng xin chân thành trăm chén, đèn bên phân thành trăm chén. Pháp Chiếu lại cầu nguyện xin phân thành ngàn, sau đó cũng bèn phân, lại biến thành ba hàng, các hàng cùng tương đối khắp đầy cả nửa núi. Nhân đó, Pháp Chiếu quên thân mình riêng đến chỗ quán thấy Đại Thánh ở hang Kim Cang. Quá nửa đêm đó, đến hang Kim Cang, lại đánh lễ danh hiệu ba mươi chín Đức

Phật, do biến năm hội, xưng niệ̣m danh hiệu Phật A-di-đà hai ngàn tiếng, buồn khóa cầu thưa: “Chỉ tự vì nghiệp ác từ vô thủy, trôi nổi sinh tử”. Khắc trách các thứ, nghiêng thân hơn ba mươi lần tự đánh. Chưa thối, bỗng thấy một vị Phạm tăng thân cao bảy thước tự xưng là Phật Đà-ba-lợi đến trước mặt Pháp Chiếu, bảo rằng: “Nay sư buồn khóc đâu có ý gì ư?” Pháp Chiếu đáp: “Pháp Chiếu tôi từ xa đến, mong nguyện được thấy Đại Thánh”. Phật Đà-ba-lợi bảo: “Thật nguyện mong thấy chăng?” Pháp Chiếu đáp: “Thật nguyện mong thấy”. Phật Đà-ba-lợi liền cởi giầy đứng trên bạ̉ng và bảo: “Sư chỉ nên nhắm mắt theo ta mà đi”. Rồi bèn dẫn Pháp Chiếu vào hang Kim Cang, bỗng thấy một viện, có bạ̉ng vàng rờn đề là “chùa Kim Cang Bát nhã”, đều dùng bạ̉ng bảy món báu trang nghiêm, phòng hiên lâu các cả thảy có một trăm bảy mươi gian. Kim Cang Bát nhã hết thảy kinh tạng tại trong các báu Pháp Chiếu bèn hướng về Đại Thánh gieo thân mình đánh lễ, chấp tay thưa bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: “Chỉ nghĩ lúc nào chóng chứng Bồ-đề vô thượng chánh đẳng, hóa độ chúng sinh khiến vào không sót, lúc nào quả thật con mãn nguyện hải vô thượng”. Phát thệ̣ nguyện ấy rồi. Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo rằng: “Tâm ông chân chánh, chí làm Bồ-tát, có thể ở trong đời xấu ác, phát nguyện thù thắng ấy làm lợi ích quần sinh. Như lời ông nói hẳn sẽ nhanh chứng Bồ-đề vô thượng, hẳn sẽ chóng đủ vô lượng hạnh nguyện Phổ Hiền, viên mãn cụ túc, làm thầy trời người, độ vô lượng chúng”. Pháp Chiếu được thọ ký xong, cúi đầu đánh lễ, lại hỏi rằng: “chưa biết ngày nay và trong đời sau, hết thảy bốn chúng đồng chí ý niệ̣m Phật, chẳng cầu danh lợi, đồng mãnh tinh tấn, đến lúc lâm chung có được cảm Phật đến nghinh đón dẫn tiếp vãng sinh thượng phẩm chóng lia sông ái chẳng?” Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo: “Nhất định không nghi, chỉ trừ người vì danh lợi và không chí tâm”. Nói xong, bèn sai Đồng tử Nan Đà đem nước trà và dượ̣c thực đến, Pháp Chiếu nói: “Không cần dượ̣c thực”. Đại Thánh bảo: “Chỉ nên ăn, chớ sợ gì”, bèn đưa đến hai chén nước, một chén thức ăn, mùi vị rất ngon lành. Đại Thánh cũng đưa đến ba chén nước cùng với dượ̣c thực. Độ̀ đựng đó toàn bằng lưu ly vật báu làm thành. Thế rồi, bảo Phật Đà-ba-lợi đưa ra. Trong ý Pháp Chiếu không muốn đi ra. Đại Thánh bảo rằng: “Không thể được, thân ông nay đây vốn là phàm chất, vật thể bất tịnh, không thể ở đây. Chỉ vì ông cùng ta có duyên nay đã thuận thực. Một báo thân này hết, ông sẽ vãng sinh tịnh độ, mới có thể lại ở đây”. Nói xong bỗng nhiên ẩn mất không thấy, Pháp Chiếu trở lại trước hang đứng trên bạ̉ng chờ đợi. Trời sáng, riêng thấy một vị Phạm tăng bảo Pháp Chiếu rằng:

“Khéo đi, khéo đi! Hãy cố nỗ lực, nỗ lực, đồng mãnh tinh tấn”. Nói lời ấy xong, bỗng nhiên cũng ẩn mất. Giây lâu chân chừ, buồn vui không thôi, Pháp Chiếu mới biết bi nguyện của Đại Thánh thật khó thể nghĩ bàn! Pháp Chiếu tuy thấy Thánh vị nhưng không dám vọng truyền, sợ sinh nghi ngờ phỉ báng.

Đến đầu tháng mười hai, ở chùa Hoa Nghiêm, bèn vào đạo tràng niệm Phật, Pháp Chiếu bỏ ăn lấy làm kỳ hạn, cầu sinh tịnh độ được vô sinh nhẫn, chóng vượt biển khổ cứu độ quần sinh. Như vậy suốt bảy ngày, vừa đến đầu đêm nguy lúc niệm Phật, bỗng thấy một vị Phạm tăng đến trong đạo tràng, bảo Pháp Chiếu rằng: “Những điều ông thấy, cảnh giới Đài Sơn, cơ sao không nói?”. Nói xong liền ẩn mất. Trong tâm Pháp Chiếu nghi ngờ vị Tăng ấy, nhưng cũng chưa tuyên bày. Đến ngày hôm sau lúc giờ thân đang tụng niệm, lại thấy vị Phạm tăng tuổi khoảng 80 thân sắc cao vợi trang nghiêm, bảo Pháp Chiếu rằng: “Vừa rồi ông thấy cảnh giới Đài Sơn, sao chẳng y như sự thật mà biên ghi, chỉ bày cho tất cả chúng sinh được nghe thấy đó mà phát tâm Bồ-đề, đoạn ác tu thiện được lợi ích lớn, sao sư bí mật không nói cho người khác nghe biết?” Pháp Chiếu đáp: “Thật không có tâm che giấu việc ấy, chỉ sợ người sinh nghi ngờ phỉ báng sa đọa vào địa ngục, do đó mà không nói”. Vị Phạm tăng ấy bảo: “Đại Thánh Văn-thù hiện tại ở nước này còn có người phỉ báng, huống gì cảnh giới ông thấy nay đây, chỉ vì khiến cho nhiều người thấy nghe, phát tâm Bồ-đề, nên đến xứ này diệt trừ vô lượng vô biên tội sinh tử, đoạn ác tu thiện, xưng niệm danh hiệu Phật, được sinh về tịnh độ, tức là lợi ích vô lượng vô biên chúng sinh, há chẳng lớn thay, sao lo nghi ngờ phỉ báng mà che giấu chẳng nói?” Pháp Chiếu nghe xong, đáp rằng: “Kính trọng vâng lời chỉ dạy, không dám che giấu”. Vị Phạm tăng ấy mỉm cười, liền ẩn chẳng hiện. Pháp Chiếu mới y theo lời chỉ bảo, đầy đủ như thấy gặp trước đúng như thật biên ghi chỉ bày cho mọi người nghe biết.

Ngày mồng chín tháng giêng năm Đại Lịch thứ sáu (771) thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Tuệ Tùng ở Giang Đông, cùng các Sa-môn Sùng Huy, Minh Khiêm v. v... ở chùa Hoa Nghiêm cả thấy có hơn ba mươi vị theo Pháp Chiếu đến hang Kim Cang nơi thấy gặp viện Bát nhã, dựng đá nên mốc viết minh ký. Đồ chúng cùng đi, chí thành chiêm ngưỡng, buồn vui lẫn lộn, chợt nghe nơi đó có tiếng chuông ngân vang âm thanh hòa nhã, đại chúng đều kinh ngạc tán thán linh dị, quả quyết đặc biệt nói cùng Pháp Chiếu là: “Chỗ thấy không hư dối, đều nghĩ nhớ duyên xưa trước lắm may mắn”, được cùng mọi người đồng đi biên ghi

trên vách tường khiến tất cả đều đồng nghe thấy, đồng phát tâm thù thắng, cùng mong chứng thành Phật quả.

Về sau, đến ngày mười ba tháng chín năm Đại Lịch thứ mười hai (777) thời Tiền Đường, Pháp Chiếu cùng các tiểu sư v. v... cả thầy tám người đến Đông Đài đồng thấy có hơn mười luồng ánh sáng sắc trắng xuất hiện, tiếp theo lại có mây đen ngùn ngụt, chỉ khoảnh khắc mây tan, thấy ánh sáng năm sắc soi chiếu khắp thân, trong ánh sáng sắc hồng tròn sáng, Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi cưỡi con sư tử lông xanh. Cả đại chúng đều thấy rõ. Lại giáng tuyết nhỏ mịn và vàng ánh sáng năm sắc hiện khắp núi cốc, chẳng biết rõ lượng là bao nhiêu. Các tiểu sư đồng đi như là Sa-môn Thuần Nhất, Duy Tú, Quy Chính, Trí Viễn, Sa di Duy Anh, Hành giả Trương Hy, Đồng tử Như Tĩnh v. v... không ai chẳng thấy. Sau đó, Hòa thượng Pháp Chiếu mới vượt qua phía nam chùa Hoa Nghiêm cách mười lăm dặm ngay giữa dưới sườn núi của Trung Đài, y theo cách thức của chùa biến hóa mà dựng lập một ngôi chùa để hiệu là “chùa Trúc Lâm”.

Trong khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-805) dưới đời vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) thời Tiền Đường, có Hộ quân trung úy Bân Tân quốc công, Phù Phong Đậu công thi hành sắc lệnh lấy lợi của tô thuế trang điền huyện Tam Nguyên, mỗi lúc tới ngày Đản Thánh của Hoàng đế, đến mười chùa và Lan Nhã Phổ thông thiết trai cúng dường vạn vị Tăng. Bảo Tư binh tham quân vương sĩ Chiêm soạn thuật khắc đá biên ghi bài tụng, đại khái với văn từ là: “Di-đà ở nước Tây phương, Đại sư Pháp Chiếu làm chủ vậy. Lúc Đế Nghiêu đang trên ngôi, Bân Công phụ giúp. Vậy đủ biết Phật báu nước báu khác vết mà đồng thể. Chùa Thánh Trúc Lâm ứng hiện thi công, đã lập Tây phương giáo chủ”.

Đại sư Pháp Chiếu từ Nam Nhạc ngộ đạt chân yếu, chống tích tượng đến Thanh Lương, căn thụ tượng mà bồi hồi, đạp đường mây mà chẳng tới. Vượt Linh Sơn mà vào chùa biến hóa, giẫm trái khắp cùng cả thấy một trăm hai mươi viện, trông thấy ánh sáng khác lạ vết tích kỳ đặc, biên ghi đầy đủ nơi thực lục của Đại sư v. v... Xét, nên lược mà chẳng ghi. Đây là Giáo chủ tịnh độ phân giòng đến phương Đông, nên sửa đất... chùa vậy, văn nhiều chẳng thể ghi lại đầy đủ. Hòa thượng Từ Ân ở Trung Đài trước kia khuyến hóa các hàng tăng tục cả thầy năm trăm vị khắc tạo mười hai tôn tượng công đức bằng ngọc thạch và một tòa đại điện. Đến mùa xuân năm Nguyên Hựu thứ năm (1090) thời Bắc Tống, có ba người cố ý phóng lửa thiêu hủy. Đỉnh trên điện tự cứu chén công đức bằng ngọc thạch hóa làm tro tàn. Sa-môn Tĩnh Thụ lại

khuyến hóa bốn chúng ở mười phương đồng dốc sức tu đạo, đến Hoàng Sơn ở Định Châu khắc tạo tôn tượng Thích Ca, Văn-thù, Phổ Hiền v. v... cả thầy mười hai tôn tượng đem đến Trung Đài và điệ. Ngày... tháng sáu năm Thiệu Khánh thứ năm (1098) thời Bắc Tống, công việc hoàn tất, nêu bày cùng người đời sau rõ thấy người thiêu hủy công đức, chưa đầy một năm mà đều chết trong xấu ác, ương lụy cùng theo không gián đoạn. Nên biết người phá hủy, ác báo vô lượng, quả khổ lưu chuyển chẳng dứt. Người đồng tâm hợp sức tu tạo, được phước vô biên, sẽ chứng quả Bồ-đề vô thượng vậy.

10. CÁC HÀNG TẶNG TỤC QUÊN THÂN VÌ ĐẠO.

Sa-môn Thích Vô Nhiễm, chưa rõ là người vốn thuộc dòng họ gì? Đến thọ học trong núi Trung Điều, giảng luật tứ phần, kinh Niết-bàn, luận Nhân Minh, bách pháp v. v... mỗi lúc tụng kinh Hoa Nghiêm đến phẩm “Trú xứ của các Bồ-tát” thấy nói: “Ở phương đông bắc có nơi tên là núi Thanh Lương, từ xưa đến nay các chúng Bồ-tát dừng ở trong đó. Hiện tại có vị Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi cùng với quyến thuộc các chúng Bồ-tát cả thầy một vạn vị thường ở trong đó mà giảng nói pháp”. Lại nghe Phật Đà-ba-lợi từ nước Tây Vực lại tìm cầu Thánh tích, gặp được người già biến hóa, lại khiến trở về Tây Vực lấy kinh đem đến vào hang Kim Cang, mãi đến nay chưa trở ra, các bậc cổ đức đã như vậy. Tôi đây há riêng vô duyên ư? Vô nhiễm mới tự phát thệ nguyện cất bước du phương tham lễ, phỏng hỏi các bậc danh công, hoặc gặp thiền tông, tham quyết lý tánh, hoặc gặp bậc giảng trao, tham xét nghĩa kinh...

Năm Trinh Nguyên thứ bảy (791) thời Tiền Đường, đến núi Ngũ Đài, dừng nghỉ tại các viện Thiện Trụ. Bảy giới tại viện có Sa-môn Trí Quân làm Ngũ Đài sơn thập tự đô kiểm hiệu, chủ quản việc chúng tăng. Vô nhiễm mới nương tựa Sa-môn Trí Quân, treo tích gá tâm có ý trọn ở đó. Tự suy nghĩ rằng: “Cảnh biến hóa của Bồ-tát Văn-thù, chẳng phải phạm tình có thể bước tới. Ta nay may được ở đây, há lại biếng lười ư?” Nên mùa đông thì theo chúng hái củi mang vác, mùa hạ thì đi chân trần đến nhà, lập chí không đổi thay, trải qua hơn hai mươi năm, có hơn bảy mươi lượt đến lễ bái các đài. Thấy gặp các thứ linh tích, tướng cầu vàng biến hóa, tháp báu khánh Thánh, chuông vàng vang ánh sáng v. v... chẳng rõ hết số ấy. Cuối cùng đến phía Đông của Trung Đài, bỗng thấy một ngôi chùa biển gạch đề là “chùa Phước sinh”, bên trong các vị Phạm tăng có cả vạn vị. Vô nhiễm mới cúi đầu đảnh lễ, đi khắp ầy

nhọc, thế rồi tận mặt thấy gặp Văn-thù-sư-lợi cũng là tướng vị Tăng, bảo cùng vô nhiễm rằng: “với núi này ông có nhân duyên từ xưa trước, phải nên cúng dường đại chúng. Chớ luống qua không”. Nói xong bèn ẩn mất không thấy nữa, chùa biến hóa cũng ẩn mất. Vị Phạm tăng đều mất. Vô nhiễm mới tán thán rằng: “Ta được thấy cảnh linh dị đây, há có thể để luống không vậy, nghĩ đến niềm vui nguy ách này, đâu có gì bền bỉ lâu dài”, mới phát thệ nguyện, báo cùng các hàng tăng ni ở pháp bốn phương đi đến đài cùng các hàng tín sĩ, mỗi một lần cúng dường một trăm vạn vị Tăng, mới đốt một ngón tay lấy làm mồi vậy. Dần đến số năm trăm vạn, xa gần thấy đều biết, các hàng vương hầu chẳng khuyến hóa mà tự lại, vàng báu chẳng mong cầu mà tự đến, cúng dường ngàn vạn đã xong, mười ngón tay đều đốt hết.

Đến trong khoảng niên hiệu Khai Thành (836-841) thời Tiền Đường, vào khoảng tháng tư, Vô Nhiễm bạch cùng đại chúng rằng: “Đối với núi này, tôi có nhân duyên mỏng đạt, đã bảy mươi hai lần đến các Thánh tích, thù đáp cúng dường vạn vị Tăng, chẳng ra khỏi núi này. Nay tôi già suy đã bảy mươi tư tuổi, năm mươi lăm hạ lạc, thân này khó bảo tồn, nguy ách đồng như sương mai, nên muốn đến trên đỉnh Trung Đài đốt một nén hương để đáp tạ chư Phật mười phương và vạn vị Bồ-tát, dứt tâm mà trú. Các đồ chúng v. v... mỗi chẳng cùng thời đại, đều là đệ tử của Bồ-tát, là quyến thuộc của Long Vương, xưa trước gieo trồng thiện nghiệp được đến ở núi này, sớm tối phải nên tinh cần xét răn ba nghiệp. Long Hoa tam hội cùng kết kỳ hẹn, đợi sau xuống núi sợ có lưu nạn, trân trọng mà đi”. Đại chúng chẳng hiểu tâm ý của Vô Nhiễm, cùng nhau thưa rằng: “chỉ hạn thời gian ba-năm ngày sư sớm trở về lại viện”. Vô Nhiễm mới chỉ mang bình chõng tích và ít hương đốt, riêng cùng thanh tín sĩ Triệu Hoa, mang theo hai đoạn sáp bố, một cân gai thô, một học dầu thơm, đến trên đỉnh Trung Đài, từ sáng tới chiều tối, đốt hương lễ bái không lúc nào tạm nghỉ, bỏ cả uống ăn cũng chẳng ngủ nghỉ, chí thành niệm Phật lời tiếng không gián đoạn. Đến gần nửa đêm, Triệu Hoa ngờ mình trở về, sáng sớm lên lại đài sẽ thấy sư. Vô Nhiễm giữ chỉ xác thực không đổi thay, càng tinh chuyên gấp bội ngày thường. Vô Nhiễm mới bảo Triệu Hoa rằng: “Tôi có tâm nguyện sâu kín, đã thấy công thành, ông cùng tôi soi chiếu duyên, không được làm chướng ngại đạo. Hãy vì tôi mà lấy bố sáp, gai thô và dầu thơm đem lại buộc trong thân tôi. Đến nửa đêm giờ tý, đốt thân cúng dường chư Phật. Nếu tôi được thành đạo quả, trước tiên sẽ cứu độ ông”. Triệu Hoa khuyên xin đối luận nhưng chẳng ngưng, bèn mang sáp bố đến buộc trên thân

Vô Nhiễm, tiếp buộc thêm gai thô, dùng dầu thơm tươi rót, trước tiên đốt trên đỉnh đầu. Vô Nhiễm bảo rằng: “Nếu tôi có hài cốt còn lại, tiếp nên dùng củi để thiêu đốt, lửa tắt khói bay, nên vung vãi tan hết, không được hiển bày quái lạ làm mê hoặc mọi người”. Triệu Hoa vâng theo lời chỉ bảo, từ đầu mà đốt đến chân mới ngả, Triệu Hoa cố gắng mà tán thán rằng: “Xưa trước nghe Kỷ Kiến Bồ-tát dùng nguyện lực thiêu thân, nay thấy Thượng nhân nối tiếp theo. Thật kỳ đặc thay!” Mới tuyên bảo cùng môn nhân thâu gom linh cốt đưa đến phía nam núi Phạm Tiên xây dựng tháp cúng dường, đến nay hiện còn.

* Sa-môn Thích Phước vận ở chùa Tổng Nhân tại Đại Châu là vị Tăng tiết hạnh thanh khổ, từng búi ngùi kiếp sống hưởng qua không, thường bảo mọi người rằng: “Chim săn đuổi bắt chim sao chẳng cùng gặp, hổ dữ bắt người lúc nào gặp thẳng, tự hận tuổi già thân thịt khô khan, chẳng thể cho chúng sinh có được một bữa ăn no đủ. Khổ thay! Khổ thay!

Ngày 15 tháng 12 năm Khai Nguyên thứ 21 (733) thời Tiền Đường, phước vận vào chùa Tuế Cốc Đại Thạch tại Nam Sơn, đến phía bắc có một tảng đá lớn, bèn ngồi kiết già ở trên, dùng dao tự cắt phần thân thịt làm thành 30 phần đặt để trên đá, nhân đó phát thệ nguyện: “Xin thí cho các loài chúng sinh chim bay thú chạy một bữa ăn, nguyện cho các chúng sinh ăn thịt này bỏ thân ác thú, thọ quả báo trời người”. Nói xong bèn qua đời, các hàng môn nhân sĩ tục chạy đến nơi đó, thấy hài cốt vung vãi nơi đất, các hàng tăng tục buồn khóc, nhóm củi trà tỳ. Thế rồi, mây lành giăng bủa đầy cốc, bỗng chốc gió bão nổi khắp bốn phía, cốt tro của thân phiêu bạc chẳng còn. Thần dị như thế, nếu chẳng phải quên bỏ ngã tướng thấu rõ sắc không, thì sao có thể được như vậy ư!

* Thanh Tín Sĩ Tống Nguyên Khánh, vốn người xứ Bắc Hương huyện Lạc Dương. Ngày 14 tháng 12 năm Thánh Lịch thứ nhất (699) thời Tiền Đường đi đến núi Ngũ Đài, kính lễ Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi. Tống Nguyên Khánh gieo trồng căn lành từ xưa trước, từ lâu đã nhằm chán trần lao, nét hạnh thanh khiết như băng sương, chẳng từng bị tỳ vết. Đến với cảnh chân ấy rất hợp với bản tâm, cầu khẩn một thời công thành vượt cả nhiều kiếp. Nhân đến chùa Bí Ma Nham ở Tây Đài, mới lên đến bên cạnh miếu Phật, sau khi chắt củi, rưới dầu thiêu thân cúng dường Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và vô lượng Thánh chúng. Ngay lúc ấy nghe ở núi góc Đông nam có vài tiếng chấn động phía tây bắc thấy có ánh sáng năm sắc chói lòa. Đó là do Tống Nguyên Khánh cúng thí nội tài mà cảm ứng nên vậy. Thật kỳ lạ thay!

Phồn Trì huyện môn Minh Nhã là bậc có trí thấu đạt không hữu, ngã vật đều quên, nhằm chán thân hữu lậu, vui chuộng tam quả bền chắc. Ngày mồng ba tháng tư năm Tống Nguyên Khánh thiêu thân (699), đến bên cạnh miếu Bí Ma sư, kể thân cúng dường, tay tự cầm dao phân tách thân thể sắc mặt không biến đổi, bắt đầu từ hai chân, dần đến tim, da thịt xẻ phân chỉ còn có lồng ngực, nhưng còn chấp tay phát thệ nguyện rằng: “Nguyện được sớm thành Phật cứu độ chúng sinh”. Sau đó mới móc quả tim, mạng số khi ấy mới dứt. Tiếc thay!

11. CHÂU MỤC TẾ QUAN QUY HƯỚNG CHÁNH TÍN

* Năm Khai Nguyên thứ 18 (730) thời Tiền Đường, Đại Châu Đô đốc Tiết Huy vì gặp năm nắng hạn, qua thời gian lâu không mưa, cỏ cây khô cháy, các thứ gieo trồng đều hư phế. Tiết Huy bảo cùng mọi người rằng: “Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở Đài Sơn có lắm nhiều linh dị, có vô duyên từ, ác nên cầu thỉnh”. Bèn lên đỉnh đài khấn Thánh cầu mưa, chợt thấy trên chùa Hoa Nghiêm có đàn hạc trắng hai mươi hai con bay liệng bồi hồi nhóm tụ trên đài, phút chốc liền tan, khoảnh khắc sau, mây đen ùn nổi tuôn đổ rưới mưa, cả năm huyện thấm đủ (xưa trước có huyện Đường Lâm). Dân chúng đến ngày 26 mới bắt đầu canh cấy. Mùa thu năm ấy mùa màu trúng đậm, canh cấy gieo trồng thóc nhỏ đều chín. Một học thóc giá ba tiền, muôn dân được an vui. Nếu chẳng phải sự chí thành cảm thần, thì đâu có thể được vậy.

Năm Khai Nguyên thứ 23 (735) thời Tiền Đường, Đại Châu Đô đốc Vương Tự, từng đi tham lễ các chùa viện ở Ngũ Đài núi Thanh Lương, bỗng gặp một ngôi nhà lam rộng lớn trang nghiêm, bên trong có tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nhân vào trong đó lễ bái, lại từ viện đi ra, mới gặp 3-5 người ẩn giả, mặc áo cỏ đi giày gai, dung mạo rất xấu xí, Vương Tự tự bảo “Đó là kẻ nghèo khổ xin ăn đến đây”. Mới hỏi rằng: “Từ xứ nào lại?” Ẩn giả đáp: “Đến rảo bước núi rừng, nhân mà trúng thưởng, tôi có thể đem cả lực hợp vào trong một mảy trần, đem tam thiên đặt để trong hạt cải”. Lại vì Đô đốc Vương Tự đàm nói chánh lý mười hai không, diễn giả tà tông 12 kiến, ngôn từ đàm luận ngang dọc, biện tài vô ngại. Vương Tự nghe thế kinh ngạc, Ẩn Giả mới có lời bảo răn. Vương Tự cúi đầu chưa đối đáp, bỗng nhiên ẩn mất không thấy nữa. Từ đó, Vương Tự chóng phát nguyện tâm, muốn cúng dường trai phạm ngàn vị Tăng để cầu thăng phước, hỏi chư tăng trong chùa rằng: “Trong đây có đủ số ngàn vị Tăng chăng?” Vị Tăng ấy đáp: “Nay đang là tháng bảy, tháng tám những vị đi núi đều đã đi, chư tăng khó có thể

đủ số đó”. Vương Tự mới chí tâm cầu thỉnh minh trợ, đến ngày thiết trai cúng dường, cảm được ngàn vị Tăng đồng đến dự hội. Vương Tự rất chí thành thiết trai cúng thí. Xong rồi, chư tăng giải tán, chẳng biết ở đâu. Vương Tự thấy cảm ứng đó, tín tâm càng kiên cố. Về sau xa đến kính lễ Ngũ Đài, tan thân về hưởng vậy.

Năm Thanh Lịch thứ hai (thời Tiền Đường), Trưởng sử Thôi Nghĩa Du đến tham lễ Bắc Đài ở Ngũ Đài, bỗng nhiên mây mốc ùn nổi mịt mờ, bước chân không thấy. Thôi Nghĩa Du bèn ném mình tự đánh, khắp thân thể máu sục đầm đìa, chết đi sống lại, ngửa mặt nhìn giữa khoảng mây, thấy một luồng ánh sáng tiếp đi chùa Hoa Nghiêm. Thôi Nghĩa Du mới tìm theo ánh sáng mà đi, qua đâu theo ẩn đó, thẳng đến chùa Hoa Nghiêm, dừng nghỉ qua đêm rồi theo hướng nam đi đến chùa Phật Quang, có hơn trăm dặm. Trước điềm ứng tốt lành ấy đến chùa, trông thấy Thiền sư Giải Thoát như lúc hiện sống cùng Thôi Nghĩa Du đàm nói. Thế rồi, Thôi Nghĩa Du kể nói cùng chư tăng ở các chùa, chư tăng không ai chẳng kinh ngạc, đều bảo là: “Thiền sư Giải Thoát thị tịch đã nhiều năm, cơ sao lại thấy gặp. Đó thật là việc chẳng thể nghĩ bàn vậy”. Thôi Nghĩa Du càng lấy làm kinh lạ v. v...

Năm Thánh Lịch thứ hai (699) thời Tiền Đường, Trưởng sử Tề Chính dẫn người nhà lên đài, đến phía bắc chùa Thanh Lương, gặp thấy vài vị Phạm tăng chống tích trượng để chân không mà đi. Tề Chính dò hỏi đó, các Phạm tăng đáp: “Đi phỏng tìm Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi”. Nhân đó khuyên Tề Chính phát tâm cùng lên trên đánh đài. Vừa đi lên các Phạm tăng bỗng nhiên ẩn mất, Tề Chính ngỡ lạ mà xuống, trở về đến chùa Thanh Lương, lại nghe tiếng chuông Thánh ngân nga vang vọng khắp núi cốc, Tề Chính chí thành thiết trai cúng dường mà trở về. Cảm linh ứng ấy, nhân vì biên ghi vậy.

Từ Trung Đài về phía tây nam cách hơn trăm dặm, có một núi nhỏ tên là Phong Sơn, ngay phía bắc của đài ấp, nửa núi có hang sinh phong, do Tiên nhân trông coi, có am của đạo nhân, đài thuyết pháp, xưa trước gọi là núi Cửu tuyền. Phía trên có chùa Kim Hoa, phía dưới có ao Tháo Dục. Ở đời tương truyền đó là nơi vạn vị Bồ-tát qua nghỉ mùa hạ, có lúc hiện ảnh tương tự như mảnh mây bay vụt trên đỉnh núi, hoặc như hạc trắng từng đàn bay liệng phía sau núi, giây lâu mới tan hết, các hàng sĩ tục đều trông thấy, và đều bảo là muôn Thánh xuất hiện, điềm hiện của năm được mùa, lời nói ấy có lắm ứng nghiệm. Ngày mồng năm tháng bảy năm Khánh Lịch thứ hai (1042) thời Bắc Tống, có vài mảnh sương mốc mỏng từ sau điện chùa cổ nổi ra, dần tràn lên đánh núi. Trong đó

hiện hình tướng Bồ-tát, hoặc ba hoặc năm, mỗi mỗi đều sắp thành hàng lớp lìa khỏi núi về hướng nam theo phía hữu nhiều quanh huyện ấp. Các hàng tầng tục bảo là không ai chẳng ngửa mặt trông xem. Đường trước huyện lện rộng phẳng, lưu lại bài thơ để ghi kỳ lạ ấy.

12. SỰ TÍCH CHƯ TĂNG CAO ĐỨC.

Sa-môn Thích Trí Quân, quên mất vốn dòng họ gì, là người ở Trung Sơn. Từ thừa bé thơ đã nổi vượt đồng hàng. Đến tuổi hai mươi, nhằm chán vinh hoa thế tục, Trí Quân bèn xa đến Đài Sơn vào các viện Thiện Trụ cầu xin Sa-môn Hiền Lâm làm thầy, giữa mài chuyên cần không biếng trễ, sớm tối quên cả nhọc mệt, xuống tóc đàng đàn thọ trì giới luật như minh châu sáng sạch, bắm tánh tiết kiệm, trong phòng nhà không tích chứa y phục, lúc có cửa thừa, tùy duyên cấp thí cho người nghèo bệnh. Thế rồi, giả từ thầy, Trí Quân vân du phỉng đạo, chưa đầy vài năm mà tinh thông Phật giáo, giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thấu đạt Phật tri kiến, xiển dương yếu chỉ thù thắng của Duy Ma, thấu đạt pháp môn bất nhị, luân nghĩ tướng pháp tánh sâu mầu, lười nôm quyền giả, mới gom vết đến linh cảnh, treo tích tượng nơi chỗ ở xưa. Trí Quân đức cao phục nhân như thế, đầy vùi tuy thoát mà hiển bày đỉnh ngộ, tiếng tăm vang vọng khắp xa, chuông trong cũng khua giống mà bay tiếng.

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) thời Tiền Đường, tăng chúng bàn nghị, thỉnh mời Trí Quân sung làm sơn môn tăng thủ. Trí Quân cố chối từ mà không được, cúi ngưỡng vâng theo mạng. Gặp năm khó khăn đói kém. Đàn-việt cúng thí hiếm ít sơ sài, viện vũ dân tiêu điều hoang phế, chuông khánh vắng bật tiếng. Tăng chúng lại cúi đầu cầu thỉnh Trí Quân làm chủ việc cúng dường trông coi thường trú tại chùa Hoa Nghiêm là nơi bốn phương nhóm tụ cúng dường. Thích nghi với đức hạnh ấy hẳn có tương lâu, thiện tâm thì được ứng, nên gặp các Sa-môn Pháp Chiếu, Vô Trước chủ soạn “Hoa Nghiêm sơ”, đều là bậc long tượng của Thích môn, là chi lan nơi đất báu, các hàng tầng tục đua nhau đến nương tựa, thần linh ngầm ủng hộ.

Bấy giờ Sa-môn Trừng Quán mới chế thuật sơ giải hoàn tất. Tăng chúng thỉnh mời Trí Quân giảng đại kinh Hoa Nghiêm, do vậy mỗi ngày có cả ngàn vị Tăng dự tham, nhưng thiết trai cúng dường đủ đầy, kho chứa đầy tràn, chẳng biết do từ đâu. Người thời bấy giờ đều cho là cảm được Thánh chúng đến”. Trí Quân tự làm chủ việc chùa có hơn mười năm, có vị Tăng ở viện gần bên tên là Nghĩa Viên cũng là bậc tài giỏi

trong chúng tăng cho rằng Trí Quân thời gian lâu dài trông coi việc thường trú mà ý chỉ vì lợi ích của cải cúng dường, đã sinh nghi ngờ phỉ báng, mới dấy dựng rao bày nói là “Tâm Trí Quân không bình đẳng, chí ý chuyên tham lợi dưỡng, tu đức tranh đua thời đâu đáng như vậy ư?” Trí Quân nhận hiểu sự phỉ báng đó, vội xin tự rút lui, tăng chúng bèn chấp thuận, ngay ngày ấy, Trí Quân mới khoanh tay mà ra. Đêm đó có thiên thần Hộ Pháp báo Nghĩa Viên rằng: “Hòa thượng Trí Quân là một trong ngàn Đức Phật, Sư dám có lời khinh thường ư? Nên nhanh cầu xin sám tạ lỗi quá, nếu không như vậy, hẳn sẽ sa đọa trong đường xấu ác”. Nghĩa Viên kinh sợ, sáng sớm tìm đến nơi chỗ Trí Quân, đánh lễ sám tạ lỗi quá. Đức hạnh của Trí Quân ứng cảm như vậy!

Đang lúc vua Võ Tông (Lý Viên 841-847) thời Tiền Đường đang ở ngôi, hủy diệt Phật pháp, Trí Quân ẩn náo nơi rừng chằm, các chúng khác đều giải tán. Khi vua Tuyên Tông (Lý Thâm 847-860) thời Tiền Đường lên ngôi, trùng hưng lại chùa viện, ban sắc các chùa ở Ngũ Đài, độ năm ngàn vị Tăng, lại thỉnh mời Trí Quân làm tăng thủ của cả mười chùa và làm chủ trong coi việc cúng dường tu tạo.

Đến tháng tư năm Đại Trung thứ bảy (853) thời Tiền Đường, Trí Quân cúng dường trai cháo tất cả bốn chúng trong thiên hạ đến tham lễ, suốt một tháng mới thôi. Một ngày nọ bảo cùng đại chúng rằng: “Mạng người như tên bắn đâu có thể bảo tồn lâu dài, tâm theo cảnh phù hoa, chẳng cầu dứt nghĩ lự. Ai để luống qua vậy ư?” Xong, bèn lui ở nơi tĩnh thất, hai ngày chẳng ra khỏi, an nhiên đoan tọa mà thị tịch, hưởng thọ 77 tuổi, 58 hạ lạp.

Sa-môn Thích Pháp Trân không biết vốn người xứ nào và cũng quên mất năm thọ giới. Pháp Trân tự xả bỏ trần tục, nghiêm trì giới hạnh tinh khổ, thệ nguyện diệt trừ nhân ngã, chí cầu giải thoát, giảng kinh Hoa Nghiêm, Lăng Già, luận Duy thức, Du già. Mỗi lúc lên pháp tòa tuyên giảng, âm thanh như sấm rống, cảm hóa dẫn dắt không ngưng nghỉ, mọi người xa gần đều quy tâm. Pháp Trân ở chùa Hoa Nghiêm hơn 30, tự thân thấy gặp Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ẩn hiện trong mây, hiện các thứ hình có ngàn vạn lần. Nhân đó Pháp Trân phát thệ nguyện thiết trai hội vô giá. Mỗi năm có hàng vạn người tham quan, đến đánh núi Ngũ Đài, đốt đèn sáng lớn, giăng treo hoa phan chẳng dứt.

Đến trong tháng bảy năm Khai Hoàng thứ mười ba (593) thời nhà Tùy, Pháp Trân thị tịch. Sau đó năm năm, vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy mộng thấy nơi viện Đại sư Pháp Trân ở chùa Hoa Nghiêm tại núi Ngũ Đài có hai mươi viên ngọc báu Ma ni, vua bèn

sai hoàng môn thị lang Quách rong ruổi đến tìm lấy ngọc báu nơi viện Pháp Trân cúng dường trong kho, quả nhiên có được ngọc báu phù hợp với Thánh mộng, mới tạo hộp bằng bảy báu đựng đầy đưa đến kính dâng. Ngoài ra các ngọc báu khác có trăm ngàn thứ cả thủy có hơn năm mươi học, vua lại có chiếu ban sắc đưa đến Đài Sơn, bèn dùng một gốc cây san hô đều đưa về núi cúng dường Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, đức hạnh của Pháp Trân đại khái như vậy v. v...

Sa-môn Thích Tôn Triết, không rõ vốn dòng họ gì và người ở xứ nào. Đến ở chùa Thiên Bồn hơn ba mươi năm chuyên ăn bánh bột tưng bách vào giữa trưa mỗi ngày, thường ngồi chẳng nằm, không hề nói năng, chỉ biết cao vội thoát vượt ngoài trần. Năng lạnh hành đạo chẳng từng biếng nghỉ, thân mặc áo nạp thô xấu. Ngoài ra không phụ sức gì, hạnh nguyện Bồ-tát mọi người hiếm lường biết. Từng có một ngày, Tôn Triết tự thân trông thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mang một cái trống giáp hạc mặt vàng vào đến trong già lam. Tôn triết kinh dị buồn cảm nhân đó tự ngã mình miệng mũi đều trào máu. Xong đứng dậy mà nói rằng: “Vừa rồi nghe tiếng trống Thánh, nhạc trời tha hóa. Xưa kia lúc Đức Phật tại thế. Đại Thánh mang đến cúng dường nơi Phật. Sau khi Đức Như Lai diệt độ lại mang đưa về trời. Đệ tử bản chất hạnh nghiệp dơ uest, Đại Thánh ứng hiện dấu vết già lam này, khiến vô hạn trần lao nay đây tiêu diệt hết”. Xong, Tôn Triết chí thành kính lễ, lễ bái xong bèn không còn thấy nữa. Từ đó, Tôn Triết bảo cùng môn nhân rằng: “mạng tôi sắp hết, sợ thân bất tịnh khiến dơ uest chốn già lam, muốn đến trấn Hoàn Thủy mà ẩn diệt. Các người mỗi nên nghĩ nhớ vô thường, cố gắng tinh tu thắng nghiệp”. Căn dặn xong, xuống núi, quả nhiên đến trấn ấy, Tôn Triết an nhiên thị tịch.

Sa-môn Thích Thần Tán vốn dòng họ Lư, không biết người xứ nào, giới hạnh cao vội tinh khiết, ham thích phổng tìm Thánh tích. Năm 40 tuổi, Thần Tán đi đến Đài Sơn tham yết đánh lễ Bồ-tát ở chùa Hoa Nghiêm giữa khoảng núi Thanh Lương, tinh chuyên thiền tụng, tăng chúng đồng suy tôn là bậc cao đức chưa rõ về sau Thần Tán thị tịch tại nơi nào.

Sa-môn Thích Tuệ Long, vốn người xứ U Châu, vừa tuổi búi tóc cầu xin xuất gia, năm hai mươi tuổi thọ giới cụ túc, tâm tánh tràn đầy như vầng trăng thu, tiết tháo cứng rắn tợ tùng giữa sương, giới hạnh ngang bằng như Hộ Nga, lòng từ sâu sắc cứu cả Trùng Kiến, thông rành luật tạng tứ phần, không điều nghi trệ. Mọi người xa gần đến thỉnh hỏi điều lợi ích, dẫn dụ dạy răn dốc cả tài năng, chuyên đến Đài Sơn đánh

lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, mỗi ngày sáu thời sám tụng, vì pháp quên cả thân mạng, tự thích máu trong thân mình biên tả giới Bồ-tát lưu bố khắp cùng, cầu nguyện sớm Thánh Phật. Tuệ Long khí mạo trang nghiêm cao vợi, nói năng rành rẻ, diễn giảng giáo pháp dẫn dắt kẻ mê, không kẻ cứng rắn nào chẳng kính phục. Cũng là bậc rất có tài năng trong chúng tăng. Về sau không biết như thế nào.

Sa-môn Thích Linh Hư, người xứ Hà Nam, ưa thích phỏng tìm Thánh tích, rảo bước khắp các danh sơn, chỉ biết cần khổ, mọi người đều kính phục Linh Hư xa đến Đài Sơn, đánh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Người ở cõi Nam Diêm Phù Đề, phần nhiều thuộc bất định tụ, cứng cõi khó giáo hóa, ông nên cứu độ đó, chớ sợ nhọc mệt. Đó là bậc thượng sĩ”. Linh Hư hỏi: “Muốn cầu giải thoát làm sao có thể được?” Giữa hư không bảo rằng: “Ông có thể trừ tâm”. Linh Hư hỏi: “làm sao trừ tâm, dùng phương tiện gì?” Giữa hư không bảo: “Cỏ vô tâm tên là mănggoại đạo đặng. Ông nên quán sát đó, tự sẽ ngộ giải”. Linh Hư bèn tìm kiếm, về quả thấy loại cỏ đó, mới tự suy nghĩ rằng: “Ta hỏi có phương tiện để trừ tâm, liền bảo ta quán sát loại cỏ vô tâm này, tức có ý chỉ phiền não, vô tâm dụ cho không. Cỏ đã không tâm, phiền não cũng vậy, có gì phải đoạn: “Mới đại ngộ vô sinh pháp không quán môn, ngay đó rõ vậy”. Linh Hư chẳng giằng nổi sự buồn vui, bèn đến nơi loại cỏ đó dựng lập am mà ở. Có người hỏi về lý do. Linh Hư chỉ ngay cỏ đó mà bảo: “Người nhiều tâm bệnh, cả này hay dứt trừ, ước muốn lại mong cầu, cùng bày ứng nghiệm tốt lành vậy”. Về sau hạng người được khỏi, đông nhiều vậy. Đến thượng tuần tháng giêng năm Quý Dậu tức năm Khai Hoàng thứ 21 (01) thời nhà Tùy, tự nhiên không bệnh mà thị tịch, Linh Hư hưởng thọ 73 tuổi.

Năm Quý Dậu tức năm 613, nhằm năm Đại Nghiệp thứ 09, còn năm Khai hoàng thứ 21 tức năm Tân Dậu.

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN QUYỂN TRUNG
(HẾT)

